

KHÍ QUYỂN. NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ

PHẦN I : TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vai trò, đặc điểm của khí quyển?

- A. Là lớp không khí bao quanh Trái Đất.
- B. Luôn chịu ảnh hưởng của Mặt Trời.
- C. Rất quan trọng cho phát triển sinh vật.
- D. Giới hạn phía trên đến dưới lớp ôzôn.

Câu 2. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về tính chất của các khối khí?

- A. Khối khí cực rất lạnh.
- B. Khối khí chí tuyến rất nóng.
- C. Khối khí xích đạo nóng ẩm.
- D. Khối khí ôn đới lạnh khô.

Câu 3. Từ xích đạo về cực là các khối khí lần lượt là

- A. Xích đạo, chí tuyến, ôn đới, cực.
- B. Xích đạo, ôn đới, chí tuyến, cực.
- C. Xích đạo, cực, ôn đới, chí tuyến.
- D. Xích đạo, chí tuyến, cực, ôn đới.

Câu 4. Trên bề mặt Trái Đất **không** có khối khí nào sau đây?

- A. Chí tuyến lục địa.
- B. Xích đạo lục địa.
- C. Ôn đới lục địa.
- D. Cực lục địa.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với các khối khí?

- A. Các khối khí ở vĩ độ khác nhau có tính chất khác nhau.
- B. Khối khí ở đại dương khác với khối khí ở lục địa.
- C. Vị trí địa lý quy định tính chất của các khối khí.
- D. Tính chất của các khối khí luôn ổn định khi di chuyển.

Câu 6. Khối khí nào sau đây **không** phân biệt thành kiểu lục địa và kiểu hải dương?

- A. Chí tuyến.
- B. Xích đạo.
- C. Cực.
- D. Ôn đới.

Câu 7. Frông là mặt ngăn cách giữa hai

- A. khối khí khác biệt nhau về tính chất vật lý.
- B. khu vực áp cao khác biệt nhau về trị số áp.
- C. dòng biển nóng và lạnh ngược hướng nhau.
- D. tầng khí quyển khác biệt nhau về tính chất.

Câu 8. Frông địa cực (FA) là mặt ngăn cách giữa hai khối khí

- A. xích đạo và chí tuyến.
- B. chí tuyến và ôn đới.
- C. ôn đới và cực.
- D. cực và xích đạo.

Câu 9. Frông ôn đới (FP) là mặt ngăn cách giữa hai khối khí

- A. xích đạo và chí tuyến.
- B. chí tuyến và ôn đới.
- C. ôn đới và cực.
- D. cực và xích đạo.

Câu 10. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với frông?

- A. Có frông nóng và frông lạnh.
- B. Là nơi có nhiều loạn thời tiết.
- C. Hai bên khác biệt về nhiệt độ.
- D. Hướng gió hai bên giống nhau.

Câu 11. Dải hội tụ nhiệt đới được hình thành ở nơi tiếp xúc của hai khối khí

- A. đều là nóng ẩm, có hướng gió ngược nhau.
- B. có tính chất vật lý và hướng khác biệt nhau.
- C. cùng hướng gió và cùng tính chất lạnh khô.
- D. có tính chất lạnh ẩm và hướng ngược nhau.

Câu 12. Giữa hai khối khí nào sau đây **không** tạo thành frông rõ nét?

A. xích đạo và chí tuyến.

B. chí tuyến và ôn đới.

C. ôn đới và cực.

D. cực và xích đạo.

Câu 13. Dải hội tụ nhiệt đới được tạo thành ở khu vực

A. xích đạo.

B. chí tuyến.

C. ôn đới.

D. cực.

Câu 14. Nguồn bức xạ từ Mặt Trời đến Trái Đất phần lớn được

A. bề mặt Trái Đất hấp thụ.

B. phản hồi vào không gian.

C. các tầng khí quyển hấp thụ.

D. phản hồi vào băng tuyết.

Câu 15. Không khí ở tầng đối lưu bị đốt nóng chủ yếu do nhiệt của

A. bức xạ mặt trời.

B. bức xạ mặt đất.

C. lớp vỏ Trái Đất.

D. lớp Man-ti trên.

Câu 16. Nguồn cung cấp nhiệt chủ yếu cho mặt đất là năng lượng của

A. bức xạ mặt trời.

B. lớp vỏ lục địa.

C. lớp Man-ti trên.

D. thạch quyển.

Câu 17. Nhiệt độ trung bình năm cao nhất ở

A. xích đạo.

B. chí tuyến.

C. vòng cực.

D. cực.

Câu 18. Nhân tố nào sau đây **không** có tác động nhiều đến sự phân bố nhiệt độ trên bề mặt Trái Đất?

A. Độ lớn góc nhập xạ.

B. Thời gian chiếu sáng.

C. Tính chất mặt đệm.

D. Độ che phủ thực vật.

Câu 19. Biên độ nhiệt độ năm lớn nhất ở

A. xích đạo.

B. chí tuyến.

C. vòng cực.

D. cực.

Câu 20. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với sự phân bố nhiệt độ theo vĩ độ địa lí?

A. Nhiệt độ trung bình năm tăng từ xích đạo về cực.

B. Nhiệt độ trung bình năm cao nhất là ở chí tuyến.

C. Biên độ nhiệt độ năm tăng từ xích đạo về hai cực.

D. Biên độ nhiệt độ năm thấp nhất ở khu vực xích đạo.

Câu 21. Bán cầu Nam có nhiệt độ trung bình năm thấp hơn ở bán cầu Bắc là do

A. diện tích đại dương lớn hơn, thời gian chiếu sáng trong năm ít hơn.

B. thời gian chiếu sáng trong năm dài hơn, có diện tích lục địa lớn hơn.

C. diện tích lục địa lớn hơn, góc nhập xạ lớn hơn, có mùa hạ dài hơn.

D. mùa hạ dài hơn, diện tích đại dương lớn hơn, góc nhập xạ nhỏ hơn.

Câu 22. Càng về vĩ độ cao

A. nhiệt độ trung bình năm càng lớn.

B. biên độ nhiệt độ năm càng cao.

C. góc chiếu của tia mặt trời càng lớn.

D. thời gian có sự chiếu sáng càng dài.

Câu 23. Nhiệt lượng do Mặt Trời mang đến bề mặt Trái Đất luôn thay đổi theo

A. góc chiếu của tia bức xạ mặt trời.

B. thay đổi tính chất của bề mặt đệm.

C. thời gian bề mặt đất nhận được.

D. chiều dày của các tầng khí quyển.

Câu 24. Từ xích đạo về cực có

A. nhiệt độ trung bình năm giảm, biên độ nhiệt độ năm tăng.

B. biên độ nhiệt độ năm tăng, nhiệt độ trung bình năm tăng.

C. góc chiếu của tia bức xạ mặt trời tăng, nhiệt độ hạ thấp.

D. nhiệt độ hạ thấp, biên độ nhiệt độ trung bình năm giảm.

Câu 25. Nhiệt độ trung bình năm cao nhất ở

A. bán cầu Tây.

B. đại dương.

C. lục địa.

D. bán cầu Đông.

Câu 26. Nhiệt độ trung bình năm thấp nhất ở

A. bán cầu Đông.

B. lục địa.

C. đại dương.

D. bán cầu Tây.

Câu 27. Phát biểu nào sau đây đúng về phân bố nhiệt độ trên bề mặt Trái Đất?

A. Nhiệt độ ở bán cầu Tây cao hơn bán cầu Đông.

B. Biên độ nhiệt ở đại dương nhỏ hơn ở lục địa.

C. Nhiệt độ cao nhất và thấp nhất đều ở đại dương.

D. Biên độ nhiệt lớn nhất và nhỏ nhất đều ở lục địa.

Câu 28. Nhân tố nào sau đây ảnh hưởng nhiều đến sự khác nhau về nhiệt độ giữa bờ Đông và Tây lục địa?

A. Dòng biển nóng, dòng biển lạnh.

B. Dòng biển lạnh, độ cao địa hình.

C. Độ cao địa hình, các vĩ độ địa lý.

D. Các vĩ độ địa lý, dòng biển nóng.

Câu 29. Càng vào sâu trong trung tâm lục địa

A. nhiệt độ mùa hạ càng giảm.

B. nhiệt độ mùa đông càng cao.

C. biên độ nhiệt độ càng lớn.

D. góc tới mặt trời càng nhỏ.

Câu 30. Sự phân bố nhiệt độ của không khí trên Trái Đất **không** phụ thuộc chủ yếu vào

A. sự thay đổi của các vĩ độ địa lý.

B. bờ Đông và bờ Tây các lục địa.

C. độ dốc và hướng phơi sườn núi.

D. các bán cầu Đông, bán cầu Tây.

Câu 31. Càng lên cao, nhiệt độ càng giảm vì

A. không khí càng loãng, bức xạ mặt đất càng mạnh.

B. bức xạ mặt đất càng mạnh, mật độ khí càng đậm.

C. mật độ khí càng đậm, bức xạ mặt đất càng yếu.

D. bức xạ mặt đất càng yếu, không khí càng loãng.

Câu 32. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với sự phân bố nhiệt độ không khí theo địa hình?

A. Càng lên cao, nhiệt độ càng giảm.

B. Nhiệt độ thay đổi theo hướng sườn núi.

C. Nhiệt độ sườn dốc cao hơn sườn thoải.

D. Càng lên cao, biên độ nhiệt độ càng lớn.

Câu 33. Nhiệt độ không khí **không** thay đổi theo

A. độ cao địa hình.

B. độ dốc địa hình.

C. hướng sườn núi.

D. hướng dãy núi.

Câu 34. Theo bảng số liệu (bảng 1), nhận xét nào sau đây đúng về thay đổi biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ địa lý?

A. Càng lên vĩ độ cao, biên độ nhiệt độ năm càng tăng.

B. Càng về xích đạo, biên độ nhiệt độ năm càng tăng.

C. Biên độ nhiệt năm ở các vĩ độ bán cầu Bắc nhỏ hơn bán cầu Nam.

D. Biên độ nhiệt năm ở vĩ độ thấp lớn hơn ở vĩ độ cao.

Bảng 1. Sự thay đổi của biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ địa lý trên Trái Đất (°C)

Vĩ độ	0°	20°	30°	40°	50°	60°	70°	80°
Bán cầu Bắc	1,8	7,4	13,3	17,7	23,8	29,0	32,2	31,0

Bán cầu Nam	1,8	5,9	7,0	4,9	4,3	11,8	19,5	28,7
-------------	-----	-----	-----	-----	-----	------	------	------

Câu 35. Theo bảng số liệu (bảng 2), nhận xét nào sau đây đúng về biến trình nhiệt độ không khí trên đại dương và lục địa?

- A. Đại dương có biên độ nhiệt độ năm cao hơn lục địa.
B. Đại dương có trị số tháng lạnh nhất cao hơn lục địa.
C. Đại dương có trị số tháng nóng nhất cao hơn lục địa.
D. Nhiệt độ cao nhất, thấp nhất ở đại dương lớn hơn lục địa.

Bảng 2. Biến trình nhiệt độ không khí trên đại dương và lục địa ($^{\circ}\text{C}$)

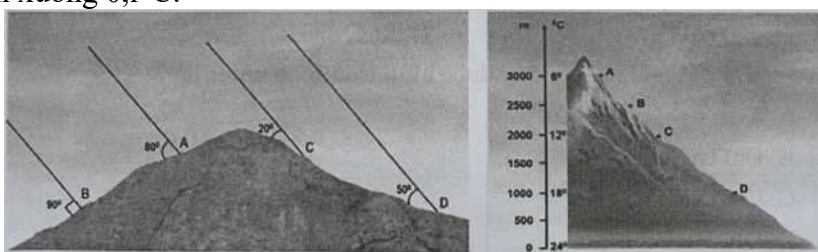
Biến trình đại dương, đảo Hêbrit ($57^{\circ}32' \text{B}$)			Biến trình lục địa, Kirren ($57^{\circ}47' \text{B}$)		
Tháng lạnh nhất	Tháng nóng nhất	Biên độ	Tháng lạnh nhất	Tháng nóng nhất	Biên độ
3 (5°C)	8 ($12,8^{\circ}\text{C}$)	$7,8^{\circ}\text{C}$	1 ($-27,3^{\circ}\text{C}$)	7 ($18,6^{\circ}\text{C}$)	$45,9^{\circ}\text{C}$

Câu 36. Theo Hình 1. Góc nhập xạ ảnh hưởng đến nhiệt độ, phát biểu nào sau đây đúng khi so sánh nhiệt độ ở các địa điểm?

- A. Điểm B có nhiệt độ cao hơn ở điểm A.**
B. Điểm A có nhiệt độ thấp hơn ở điểm C.
C. Điểm C có nhiệt độ cao hơn ở điểm D.
D. Điểm D có nhiệt độ cao hơn ở điểm B.

Câu 37. Theo Hình 2. Độ cao ảnh hưởng đến nhiệt độ, phát biểu nào sau đây đúng về sự thay đổi nhiệt độ theo độ cao?

- A. Càng lên cao nhiệt độ càng tăng.
B. Càng lên cao nhiệt độ càng giảm.
C. Lên cao 1000 m, tăng thêm $0,6^{\circ}\text{C}$.
D. Lên cao 100 m, giảm xuống $0,1^{\circ}\text{C}$.



Hình 1. Góc nhập xạ ánh

Hình 2. Độ cao ảnh hưởng đến nhiệt độ hướng đến nhiệt độ

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ ở bán cầu Bắc

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Vĩ độ	0°	20°	30°	40°	50°	60°	70°	80°
Nhiệt độ trung bình năm	24,5	25,0	20,4	14,0	5,4	-0,6	-10,4	-20,0
Biên độ nhiệt năm	1,8	7,4	13,3	17,7	23,8	29,0	32,2	31,0

- a) Nhiệt độ trung bình năm giảm từ xích đạo về cực. **Đ**
b) Khu vực chí tuyến có nhiệt độ trung bình năm cao nhất. **Đ**
c) Biên độ nhiệt độ năm tăng từ xích đạo về cực. **Đ**
d) Biên độ nhiệt độ năm thay đổi theo vĩ độ do góc nhập xạ giảm từ xích đạo về cực. **Đ/S**

Câu 2: Cho đoạn thông tin sau

Hoang mạc Sa-ha-ra là một trong những hoang mạc rộng lớn nhất thế giới với diện tích 90 triệu km², xấp xỉ 1/10 Châu Phi. Nhiệt độ ở Sahara rất cao, trung bình năm luôn trên 25⁰C, những tháng nóng nhất có thể lên tới 50⁰C. Sahara là vùng có gió thổi rất mạnh, gió và bão cát làm tăng thêm tính khắc nghiệt của hoang mạc. Lượng mưa trung bình chỉ khoảng 25mm/ năm, ở các vùng phía đông chỉ dưới 5mm/năm. Lớp phủ thực vật cực kỳ thưa thớt.

- a) Hoang Mạc Sahara có lượng mưa rất thấp. **Đ**
b) Khí hậu ở hoang mạc Sahra vô cùng khắc nghiệt. **Đ**
c) Giới động vật ở Sahara rất phong phú. **S**
d) Lượng mưa ở hoang mạc Sahara thấp là do nằm dưới áp cao cận chí tuyến. **Đ**

PHẦN III: TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tháng tại Lạng Sơn năm 2021 (đơn vị: ⁰C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	13,7	18,7	22,1	24,5	26,7	26,2	25,8	26,0	24,7	21,8	19,0	15,6

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính biên độ nhiệt năm tại Lạng Sơn (làm tròn đến hàng đơn vị của ⁰C)

Lời giải:

Để tính biên độ nhiệt năm tại Lạng Sơn, ta chỉ cần lấy (trị tuyệt đối) hiệu của nhiệt độ trung bình tháng cao nhất và thấp nhất là được.

Dễ thấy:

+) Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất tại Lạng Sơn là: 26,7⁰C

+) Nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất tại Lạng Sơn là: 13,7⁰C

Vậy biên độ nhiệt năm tại Lạng Sơn là:

$$|26,7 - 13,7| = 13^{\circ}\text{C}$$

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tháng tại Lạng Sơn năm 2021 (đơn vị: ⁰C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	13,7	18,7	22,1	24,5	26,7	26,2	25,8	26,0	24,7	21,8	19,0	15,6

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính biên nhiệt độ trung bình năm tại Lạng Sơn (làm tròn đến hàng đơn vị của ⁰C)

Lời giải: Câu này giống câu 1 nha.

Câu 3. Dựa vào bảng số liệu sau:

Nhiệt độ trung bình tháng I và tháng VII của Hà Nội và TP Hồ Chí Minh.

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình tháng I (⁰ C)	Nhiệt độ trung bình tháng VII (⁰ C)
Hà Nội	16,4	28,9
TP. Hồ Chí Minh	25,8	27,1

Căn cứ bảng số liệu trên, hãy tính biên độ nhiệt năm của Hà Nội.

Lời giải: Câu này chắc hỏi hoặc cho dữ kiện thiếu. Nếu cho như trên thì mặc định tháng có nhiệt độ trung bình cao nhất và thấp nhất tại Hà Nội lần lượt là 28,9⁰C và 16,4⁰C. Khi đó biên độ nhiệt năm của Hà Nội là:

$$|28,9 - 16,4| = 12,5^{\circ}\text{C}$$

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tháng tại Lạng Sơn năm 2021

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	13,7	18,7	22,1	24,5	26,7	26,2	25,8	26,0	24,7	21,8	19,0	15,6

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2020, NXB thống kê Việt Nam, 2021)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính biên độ nhiệt độ năm tại Lạng Sơn (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của $^{\circ}\text{C}$).

Lời giải: Câu này giống câu 1 nha.

Câu 5: Tại độ cao 1000m trên dãy núi Hoàng Liên Sơn nhiệt độ là 15°C , hỏi nhiệt độ tại chân núi (0m) nhiệt độ cùng thời điểm là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$?

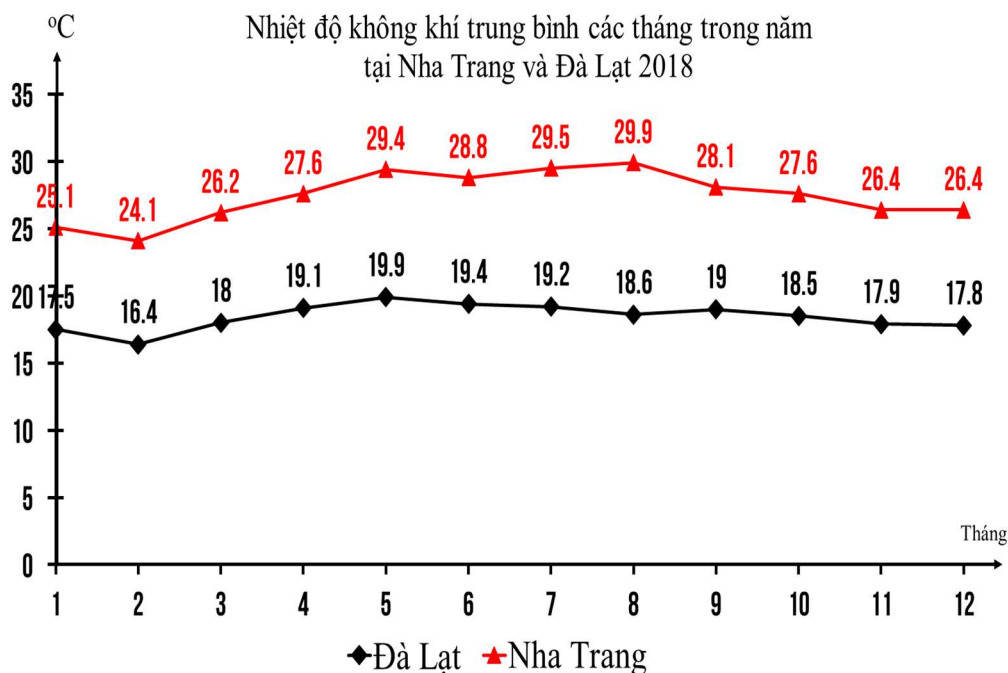
Lời giải: Câu này chỉ cần nhớ là cứ lên cao 100m thì nhiệt độ giảm xuống $0,6^{\circ}\text{C}$ (và ngược lại). Vậy ở đây ta biết ở độ cao 1000m có nhiệt độ là 15°C , vậy nhiệt độ cùng thời điểm ở chân núi (0m) là:

$$15 + 10 \cdot 0,6 = 21^{\circ}\text{C}$$

Câu 6. Tại độ cao 1000m trên dãy núi Cap-ca có nhiệt độ là 34°C , cùng thời điểm này nhiệt độ ở độ cao 2500m là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của $^{\circ}\text{C}$).

Lời giải: Sự chênh lệch giữa 2 độ cao đã cho là: $2500 - 1000 = 1500\text{m}$. Vậy cùng thời điểm này nhiệt độ ở độ cao 2500m là: $34 - 0,6 \cdot 15 = 25^{\circ}\text{C}$.

Câu 7. Cho biểu đồ



(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2018, <https://www.gso.gov.vn>)

Nhiệt độ trung bình năm tại Nha Trang là bao nhiêu?

Lời giải: Để tính nhiệt độ trung bình năm ta chỉ cần lấy tổng nhiệt độ trung bình các tháng trong năm chia cho 12 là được. Vậy dựa theo biểu đồ trên thì nhiệt độ trung bình năm tại Nha Trang là:

$$\bar{X} = \frac{25,1 + 24,1 + 26,2 + 27,6 + 29,4 + 28,8 + 29,5 + 29,9 + 28,1 + 27,6 + 26,4 + 26,4}{12} = 27,425^{\circ}\text{C}$$

Câu 8. Tại độ cao 500m trên dãy núi Himalaya có nhiệt độ là 28°C , cùng thời điểm này nhiệt độ ở độ cao 3000m là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$?

Lời giải: Sự chênh lệch giữa 2 độ cao đã cho là: $3000 - 500 = 2500\text{m}$. Cùng thời điểm này nhiệt độ ở độ cao 3000m là: $28 - 25.0,6 = 13^{\circ}\text{C}$.

Câu 9. Tính nhiệt độ tại chân núi của sườn đón gió biết nhiệt độ tại đỉnh núi là 12°C , ngọn núi cao 2800m (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của $^{\circ}\text{C}$)

(Thực ra đề bài không rõ lắm, đáng lẽ nên cho độ cao tại chân núi là bao nhiêu).

Lời giải: Sự chênh lệch giữa 2 độ cao đã cho là: 2800m (Do chân núi có độ cao là 0m). Vậy nhiệt độ tại chân núi lúc này là: $12 + 0,6.28 \approx 29^{\circ}\text{C}$

Câu 10. Tại độ cao 1000 m trên dãy núi Hoàng Liên Sơn có nhiệt độ là 18°C , cùng thời điểm này nhiệt độ ở độ cao 2800 m là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của $^{\circ}\text{C}$)

Lời giải: Sự chênh lệch giữa 2 độ cao đã cho là: $2800 - 1000 = 1800\text{m}$. Vậy nhiệt độ ở độ cao 2800m tại cùng thời điểm trên là: $18 - 18.0,6 = 7,2^{\circ}\text{C} \approx 7^{\circ}\text{C}$ (Làm tròn đến hàng đơn vị)

Câu 11. Tính nhiệt độ tại chân núi của sườn đón gió biết nhiệt độ tại đỉnh núi là 10°C , ngọn núi cao 2800m (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của $^{\circ}\text{C}$)

Lời giải: Sự chênh lệch giữa 2 độ cao đã cho là: 2800m (Do chân núi có độ cao là 0m). Vậy nhiệt độ tại chân núi lúc này là: $10 + 0,6.28 \approx 27^{\circ}\text{C}$

KHÍ ÁP VÀ GIÓ

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1. Khí áp là sức nén của

- A. không khí xuống mặt Trái Đất.
- B. luồng gió xuống mặt Trái Đất.
- C. không khí xuống mặt nước biển.
- D. luồng gió xuống mặt nước biển.

Câu 2. Các vành đai khí áp nào sau đây là áp cao?

- A. Xích đạo, chí tuyến.
- B. Chí tuyến, ôn đới.
- C. Ôn đới, cực.
- D. Cực, chí tuyến.

Câu 3. Các vành đai khí áp nào sau đây là áp thấp?

- A. Xích đạo, chí tuyến.
- B. Chí tuyến, ôn đới.
- C. Ôn đới, xích đạo.
- D. Cực, chí tuyến.

Câu 4. Vành đai áp nào sau đây chung cho cả hai bán cầu Bắc và Nam?

- A. Cực.
- B. Ôn đới.
- C. Chí tuyến.
- D. Xích đạo.

Câu 5. Các vành đai áp nào sau đây được hình thành do nhiệt lực?

- A. Xích đạo, chí tuyến.
- B. Chí tuyến, cực.
- C. Cực, xích đạo.
- D. Ôn đới, chí tuyến.

Câu 6. Các vành đai áp nào sau đây được hình thành do động lực?

- A. Xích đạo, chí tuyến.

B. Chí tuyến, cực.

C. Cực, xích đạo.

D. Ôn đới, chí tuyến.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với các vành đai khí áp trên Trái Đất?

A. Các đai áp cao và áp thấp phân bố xen kẽ nhau.

B. Các đai áp cao và áp thấp đối xứng qua xích đạo.

C. Các đai khí áp được hình thành chỉ do nhiệt lực.

D. Các đai khí áp bị chia cắt thành khu khí áp riêng.

Câu 8. Nhân tố nào sau đây **không** ảnh hưởng đến sự thay đổi của khí áp?

A. Độ cao.

B. Nhiệt độ.

C. Độ ẩm.

D. Hướng gió.

Câu 9. Khí áp tăng khi

A. nhiệt độ giảm.

B. nhiệt độ tăng.

C. độ cao tăng.

D. khô hạn giảm.

Câu 10. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với sự thay đổi của khí áp?

A. Nhiệt độ lên cao, khí áp giảm.

B. Độ cao càng tăng, khí áp giảm.

C. Có nhiều hơi nước, khí áp giảm.

D. Độ hanh khô tăng, khí áp giảm.

Câu 11. Phát biểu nào sau đây đúng với sự thay đổi của khí áp?

A. Không khí càng loãng, khí áp giảm.

B. Độ ẩm tuyệt đối lên cao, khí áp tăng.

C. Tỷ trọng không khí giảm, khí áp tăng.

D. Không khí càng khô, khí áp giảm.

Câu 12. Trị số khí áp tỷ lệ

A. nghịch với tỷ trọng không khí.

B. thuận với nhiệt độ không khí.

C. thuận với độ ẩm tuyệt đối.

D. nghịch với độ cao cột khí.

Câu 13. Nguyên nhân sinh ra gió là

A. áp cao và áp thấp.

B. frông và dải hội tụ.

C. lực địa và đại dương.

D. hai sườn của dãy núi.

Câu 14. Loại gió nào sau đây **không** phải là gió thường xuyên?

A. Gió Tây ôn đới.

B. Gió Mậu dịch.

C. Gió Đông cực.

D. Gió mùa.

Câu 15. Gió Tây ôn đới thổi từ áp cao

A. chí tuyến về áp thấp ôn đới.

B. cực về áp thấp ôn đới.

C. chí tuyến về áp thấp xích đạo.

D. cực về áp thấp xích đạo.

Câu 16. Gió Đông cực thổi từ áp cao

A. chí tuyến về áp thấp ôn đới.

B. cực về áp thấp ôn đới.

C. chí tuyến về áp thấp xích đạo.

D. cực về áp thấp xích đạo.

Câu 17. Gió Mậu dịch thổi từ áp cao

A. chí tuyến về áp thấp ôn đới.

B. cực về áp thấp ôn đới.

C. chí tuyến về áp thấp xích đạo.

D. cực về áp thấp xích đạo.

Câu 18. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với gió mùa?

A. Mùa đông thổi từ lục địa ra đại dương.

B. Mùa hạ thổi từ đại dương vào đất liền.

C. Do chênh lệch áp giữa các đới gây ra.

D. Thường xảy ra ở phía đông đới nóng.

Câu 19. Loại gió nào sau đây có tính chất khô?

A. Gió Tây ôn đới.

B. Gió Mậu dịch.

C. Gió mùa.

D. Gió đất, biển.

Câu 20. Tính chất của gió Mậu dịch là

A. nóng ẩm.

B. khô.

C. lạnh khô.

D. ẩm.

Câu 21. Tính chất của gió Tây ôn đới là

A. nóng ẩm.

B. lạnh khô.

C. khô.

D. ẩm.

Câu 22. Ở Bắc bán cầu, gió Mậu dịch thổi quanh năm theo hướng

A. đông bắc.

B. đông nam.

C. tây bắc.

D. tây nam.

Câu 23. Ở Bắc bán cầu, gió Tây ôn đới thổi quanh năm theo hướng

A. đông bắc.

B. đông nam.

C. tây bắc.

D. tây nam.

Câu 24. Đặc điểm của gió mùa là

A. hướng gió thay đổi theo mùa.

B. tính chất không đổi theo mùa.

C. nhiệt độ các mùa giống nhau.

D. độ ẩm các mùa tương tự nhau.

Câu 25. Khu vực nào sau đây **không** có gió mùa hoạt động?

A. Nam Á.

B. Đông Nam Á.

C. Đông Phi.

D. Tây Phi.

Câu 26. Nguyên nhân hình thành gió mùa chủ yếu là do

A. sự nóng lên hoặc lạnh đi không đều giữa lục địa và đại dương theo mùa.

B. sự phân bố các vành đai áp xen kẽ và đối xứng nhau qua áp thấp xích đạo.

C. các lục địa và các đại dương có biên độ nhiệt độ năm khác nhau theo mùa.

D. hoạt động của gió kết hợp với độ cao, độ dốc và hướng sườn núi theo mùa.

Câu 27. Nguyên nhân nào sau đây dẫn đến sự thay đổi của các vùng khí áp cao và khí áp thấp ở lục địa và đại dương theo mùa?

A. Giữa lục địa và đại dương có sự nóng lên hoặc lạnh đi không đều theo mùa.

B. Các vành đai khí áp phân bố xen kẽ và đối xứng nhau qua áp thấp xích đạo.

C. Các lục địa và các đại dương có biên độ nhiệt độ năm khác nhau theo mùa.

D. Hoạt động của gió kết hợp với độ cao, độ dốc và hướng sườn núi theo mùa.

Câu 28. Vào mùa hạ, trung tâm áp thấp I-ran (Nam Á) hút gió

A. Mậu dịch từ bán cầu Nam và tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương.

B. Mậu dịch từ bán cầu Nam và Đông Bắc từ cao áp phương Bắc.

C. tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương và Tín phong bán cầu Bắc.

D. từ Bắc Ấn Độ Dương và Đông Bắc từ cao áp phương Bắc.

Câu 29. Về mùa đông, gió Đông Bắc thổi từ các cao áp phương Bắc về phía nam có tính chất

A. lạnh, khô. B. lạnh, ẩm. C. nóng, khô. D. nóng, ẩm.

Câu 30. Gió nào sau đây thường gây nhiều mưa cho khu vực Đông Nam Á vào mùa hạ?

A. Tín phong bán cầu Bắc.

B. Tín phong bán cầu Nam vượt xích đạo.

C. Gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương.

D. Gió Đông Bắc từ phương Bắc đến.

Câu 31. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với gió biển, gió đất?

A. Được hình thành ở vùng ven biển.

B. Hướng thay đổi theo ngày và đêm.

C. Có sự khác nhau rõ rệt về độ ẩm.

D. Có sự giống nhau về nguồn gốc.

Câu 32. Gió đất có cường độ mạnh nhất vào khoảng

A. đầu buổi chiều.

B. đầu buổi tối.

B. lúc giữa khuya.

D. lúc gần sáng.

Câu 33. Gió biển có cường độ mạnh nhất vào khoảng

A. đầu buổi chiều.

B. đầu buổi tối.

C. giữa khuya.

D. gần sáng.

Câu 34. Các loại gió nào sau đây có phạm vi địa phương?

A. Gió Tây ôn đới, gió phơn.

B. Gió Đông cực; gió đất, biển.

C. Gió đất, biển; gió phơn.

D. Gió Mậu dịch; gió mùa.

Câu 35. Loại gió sau khi trút hết ẩm ở sườn núi bên này sang sườn núi bên kia trở nên khô và rất nóng là gió

A. đất.

B. biển.

C. phơn.

D. mùa.

Câu 36. Thổi từ khu vực áp cao chí tuyến về khu vực áp thấp xích đạo là gió

A. Mậu dịch.

B. Tây ôn đới.

C. Đông cực.

D. mùa.

Câu 37. Thổi từ khu vực áp cao chí tuyến về khu vực áp thấp ôn đới là gió

A. Mậu dịch.

B. Tây ôn đới.

C. Đông cực.

D. mùa.

Câu 38. Thổi từ khu vực áp cao cực về khu vực áp thấp ôn đới là gió

A. Mậu dịch.

B. Tây ôn đới.

C. Đông cực.

D. mùa.

Câu 39. Không khí khô khi từ đỉnh núi xuống chân núi, trung bình 100 m tăng

A. $0,6^{\circ}\text{C}$.

B. $0,8^{\circ}\text{C}$.

C. $1,0^{\circ}\text{C}$.

D. $1,2^{\circ}\text{C}$.

Câu 40. Không khí ẩm khi từ chân núi lên đỉnh núi, trung bình 100 m giảm

A. $0,6^{\circ}\text{C}$.

B. $0,8^{\circ}\text{C}$.

C. $1,0^{\circ}\text{C}$.

D. $1,2^{\circ}\text{C}$.

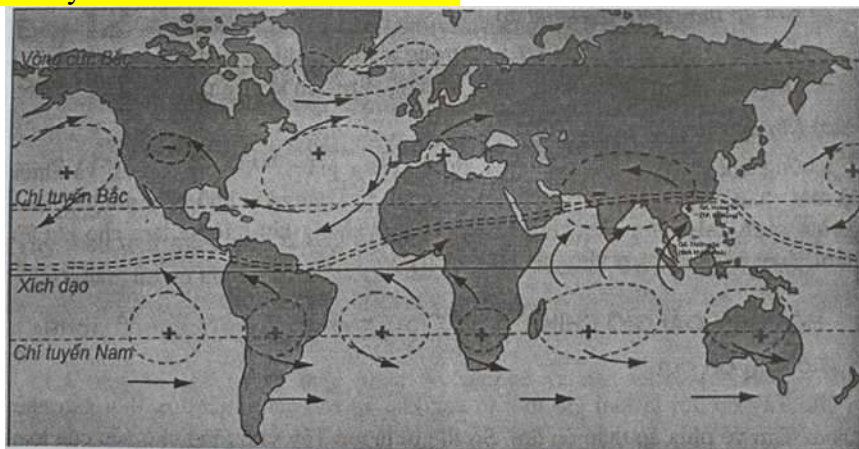
Câu 41. Theo Hình 1. Các khu áp cao, áp thấp trong tháng 7, nhận xét nào sau đây đúng về sự phân bố khí áp trên Trái Đất?

A. Các khu khí áp dịch chuyển về bán cầu Nam nhiều hơn.

B. Các khu khí áp dịch chuyển về bán cầu Đông nhiều hơn.

C. Các khu khí áp dịch chuyển về bán cầu Tây nhiều hơn.

D. Các khu khí áp dịch chuyển về bán cầu Bắc nhiều hơn.



Hình 1. Các khu áp cao, áp thấp trong tháng 7

- c) Ở sườn khuất gió thường không có mưa trong thời kì gió hoạt động. **Đ**
 d) Dãy núi càng cao, thì khi xuống núi mức gia tăng nhiệt độ càng lớn và càng khô **Đ**

Câu 2: Cho đoạn thông tin: "Frông là bề mặt tiếp xúc giữa hai khối khí có nguồn gốc khác nhau và khác biệt về tính chất vật lí. Trên mỗi bán cầu có hai frông căn bản: frông địa cực (FA), frông ôn đới (FP)."

- a) Trên mỗi bán cầu có hai frông căn bản: frông địa cực (FP) và frông ôn đới (FA). **Đ**
 b) Frông ôn đới hình thành ở vĩ độ cao. Frông địa cực hình thành ở vĩ độ thấp. **S**
 c) Frông có thể làm thay đổi đột ngột thời tiết, gây ra mưa, gió mạnh và sấm sét. **Đ**
 d) Sự chuyển dịch của frông theo các khối khí đã điều khiển chế độ gió trong năm. **Đ**

Câu 3: Cho đoạn thông tin: "Gió là sự chuyển động của không khí từ nơi có khí cao cao về nơi có khí áp thấp. Trong khi chuyển động, hướng gió chịu sự tác động của lực Coriolis làm lệch hướng gió. Ở bán cầu Bắc, hướng gió lệch về bên tay phải, ở bán cầu Nam hướng gió lệch về phía bên tay trái so với hướng chuyển động ban đầu."

- a) Gió Tín Phong thổi ở bán cầu Bắc có hướng Đông Bắc. **Đ**
 b) Gió Tây ôn đới thổi ở bán cầu Nam có hướng Tây Nam. **S**
 c) Gió mùa có hướng thay đổi theo mùa, không ổn định. **Đ**
 d) Gió địa phương có hướng thay đổi theo địa hình và theo mùa. **S**

Câu 4: Cho đoạn thông tin sau

Ai cũng biết nước ta có hai mùa rõ rệt: một mùa khô mát (hay lạnh) và một mùa mưa nóng, ứng với hai mùa gió Đông Bắc và Tây Nam (Đông Nam), tuy nhiên sự phân chia này ở Bắc Bộ là sâu sắc và rõ nét hơn cả.

- a) Gió mùa là gió thổi theo mùa. **Đ**
 b) Hướng và tính chất ở hai mùa gió có sự đồng nhất. **S**
 c) Nguyên nhân hình thành gió mùa là do sự nóng lên và lạnh đi không đều giữa lục địa và đại dương. **Đ**
 d) Việt Nam chịu ảnh hưởng của gió mùa là do vị trí nằm trong khu vực Châu Á gió mùa, thuộc đới nóng. **Đ**

Câu 5: Cho đoạn thông tin sau

Vào đầu tháng 5 âm lịch, cũng vào lúc bước sang tháng 7 dương lịch là mùa cao điểm của gió Lào. Gió nóng thổi dồn dập khiến cho con người đang ở trong nhà vẫn có cảm giác là mình đang ngồi bên một lò quạt lửa.

- a) Gió Lào ở nước ta có tính chất nóng, ẩm. **S**
 b) Gió Lào hoạt động liên tục vào đầu mùa hạ ở nước ta. **S**
 c) Gió Lào thổi vào nước ta theo hướng Tây. **S**
 d) Gió Lào không nóng là do vượt qua các dãy núi dọc biên giới Việt Lào và dãy Trường Sơn. **S**

MƯA

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1. Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa là

- A. khí áp, frông, gió, địa hình, thổ nhưỡng.
 B. khí áp, frông, gió, dòng biển, địa hình.
 C. khí áp, frông, gió, địa hình, sông ngòi.
 D. khí áp, frông, gió, dòng biển, sinh vật.

Câu 2. Nơi nào sau đây có nhiều mưa?

A. Khu khí áp thấp.

B. Khu khí áp cao.

C. Miền có gió Mậu dịch.

D. Miền có gió Đông cực.

Câu 3. Các khu khí áp thấp có nhiều mưa là do

- A. Luôn có gió từ trung tâm thổi đi.
 B. Luôn có gió quanh rìa thổi ra ngoài.
 C. Không khí ẩm được đẩy lên cao.

D. Không khí ẩm không được bốc lên.

Câu 4. Khu vực áp cao chí tuyến thường có hoang mạc lớn do

A. nóng.

B. lạnh.

C. khô.

D. ẩm.

Câu 5. Nơi tranh chấp giữa khối khí nóng và khối khí lạnh thường

A. nóng.

B. lạnh.

C. khô.

D. mưa.

Câu 6. Nơi nào sau đây có mưa ít?

A. Giữa các khối khí nóng và khối khí lạnh.

B. Giữa khu vực áp cao và khu vực áp thấp.

C. Khu vực có nhiều loạn mạnh không khí.

D. Khu vực thường xuyên có gió lớn thổi đi.

Câu 7. Khu vực nào sau đây thường có mưa nhiều?

A. Nơi ở rất sâu giữa lục địa.

B. Miền có gió Mậu dịch thổi.

C. Miền có gió thổi theo mùa.

D. Nơi dòng biển lạnh đi qua.

Câu 8. Nơi nào sau đây có mưa ít?

A. Nơi có dòng biển lạnh đi qua.

B. Nơi có dòng biển nóng đi qua.

C. Nơi có frông hoạt động nhiều.

D. Nơi có dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 9. Những địa điểm nào sau đây thường có mưa nhiều?

A. Nơi ở rất sâu giữa lục địa, nơi có áp thấp.

B. Miền có gió Mậu dịch thổi, nơi có áp thấp.

C. Miền có gió thổi theo mùa, nơi có áp thấp.

D. Nơi dòng biển lạnh đi qua, nơi có áp thấp.

Câu 10. Tại một dãy núi, thường có mưa nhiều ở

A. sườn khuất gió.

B. sườn núi cao.

C. đỉnh núi cao.

D. sườn đón gió.

Câu 11. Những địa điểm nào sau đây thường có mưa ít?

A. Khu vực khí áp thấp, nơi có frông hoạt động.

B. Nơi có dải hội tụ nhiệt đới, khu vực áp cao.

C. Sườn núi khuất gió, nơi có dòng biển lạnh.

D. Miền có gió mùa, nơi có gió luôn thổi đến.

Câu 12. Nơi có ít mưa thường là ở

A. xa đại dương.

B. gần đại dương.

C. khu vực khí áp thấp.

D. trên dòng biển nóng.

Câu 13. Trên Trái Đất, mưa nhiều nhất ở vùng

A. xích đạo.

B. ôn đới.

C. chí tuyến.

D. cực.

Câu 14. Trên Trái Đất, mưa ít nhất ở vùng

A. xích đạo.

B. ôn đới.

C. chí tuyến.

D. cực.

Câu 15. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với phân bố lượng mưa trên Trái Đất?

A. Mưa nhiều nhất ở vùng xích đạo.

B. Mưa tương đối ít ở vùng chí tuyến.

C. Mưa nhiều ở vùng vĩ độ trung bình.

D. Mưa tương đối nhiều ở hai vùng cực.

Câu 16. Phát biểu nào sau đây đúng với phân bố lượng mưa trên Trái Đất?

A. Mưa không nhiều ở vùng xích đạo.

B. Mưa tương đối ít ở vùng chí tuyến.

C. Mưa không nhiều ở hai vùng ôn đới.

D. Mưa tương đối nhiều ở hai vùng cực.

Câu 17. Vùng chí tuyến có mưa tương đối ít, chủ yếu là do

- A. các khu khí áp cao hoạt động quanh năm.**
- B. các dòng biển lạnh ở cả hai bờ đại dương.
- C. có gió thường xuyên và gió mùa thổi đến.
- D. có nhiều khu vực địa hình núi cao đồ sộ.

Câu 18. Các nhân tố làm cho vùng xích đạo có mưa rất nhiều là

- A. áp thấp, dải hội tụ nhiệt đới, dòng biển nóng.**
- B. áp thấp, dải hội tụ nhiệt đới, dòng biển lạnh.
- C. dải hội tụ nhiệt đới, frông nóng, gió Mậu dịch.
- D. dải hội tụ nhiệt đới, các núi cao, gió Mậu dịch.

Câu 19. Các nhân tố làm cho vùng ôn đới mưa nhiều là

- A. gió Tây ôn đới, dòng biển nóng.**
- B. gió Tây ôn đới, dòng biển lạnh.
- C. áp thấp ôn đới, gió Đông cực.
- D. áp thấp ôn đới, gió Mậu dịch.

Câu 20. Vùng chí tuyến có mưa tương đối ít là do tác động của

- A. áp cao.**
- B. áp thấp.
- C. gió mùa.
- D. địa hình.

Câu 21. Vùng cực có mưa ít là do tác động của

- A. áp thấp.
- B. áp cao.**
- C. frông.
- D. địa hình.

Câu 22. Nhân tố nào sau đây thường gây ra mưa nhiều?

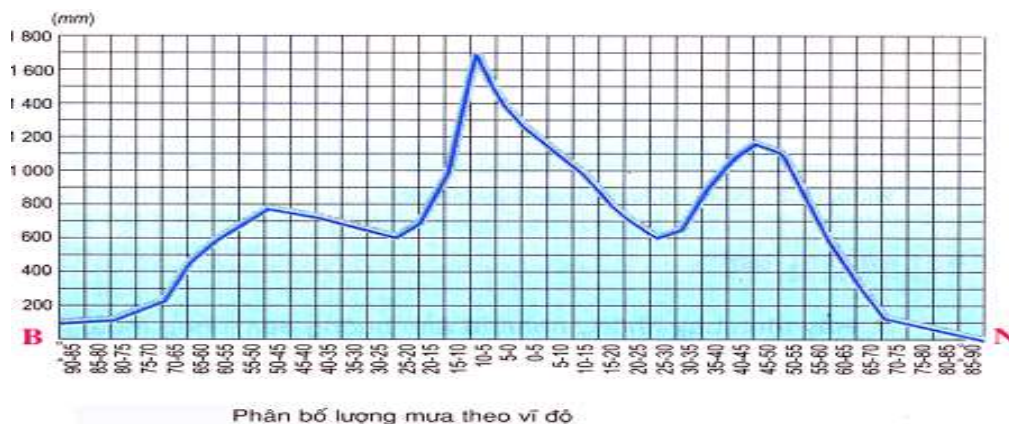
- A. Dòng biển lạnh.
- B. Dải hội tụ nhiệt đới.**
- C. Gió Mậu dịch.
- D. Gió Đông cực.

Câu 23. Các nhân tố nào sau đây thường gây ra nhiều loạn thời tiết rất mạnh?

- A. Frông ôn đới, gió Mậu dịch.
- B. Dải hội tụ nhiệt đới, frông ôn đới.**
- C. Gió Mậu dịch, gió Đông cực.
- D. Gió Đông cực, frông ôn đới.

Câu 24. Theo Hình 1. Phân bố lượng mưa theo vĩ độ, nhận xét nào sau đây đúng về phân bố mưa trên Trái Đất?

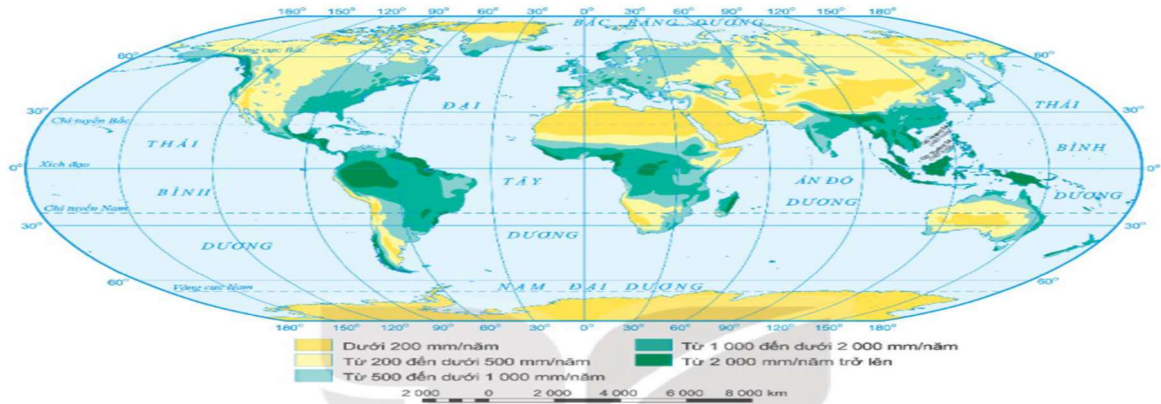
- A. Xích đạo có lượng mưa lớn nhất.**
- B. Chí tuyến có lượng mưa nhỏ nhất.
- C. Ở ôn đới có lượng mưa lớn nhất.
- D. Ở hai cực có lượng mưa lớn nhất.



Câu 25. Theo Hình 2. Phân bố lượng mưa trên thế giới, nhận xét nào sau đây đúng về phân bố mưa trên Trái Đất?

- A. Xích đạo có lượng mưa nhỏ nhất, chí tuyến mưa nhiều nhất.
- B. Ở vùng nhiệt đới, bờ đông của lục địa mưa nhiều hơn bờ tây.**

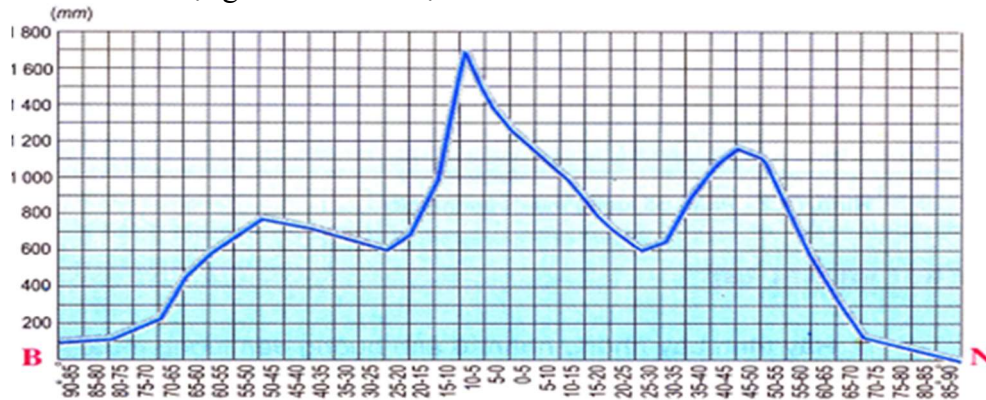
- C. Ở vùng ôn đới, bờ đông của lục địa mưa nhiều hơn bờ tây.
D. Ôn đới có mưa nhiều nhất, vùng chí tuyến có mưa nhỏ nhất.



Hình 9.7. Bản đồ lượng mưa trung bình năm trên lục địa

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 1. Cho hình: Phân bố lượng mưa theo vĩ độ trên Trái Đất



Phân bố lượng mưa theo vĩ độ

- a) Ở vùng ôn đới có lượng mưa lớn nhất. **S**
b) Ở hai cực có lượng mưa lớn do nhiệt độ thấp. **S**
c) Vùng chí tuyến có lượng mưa nhỏ nhất. **Đ**
d) Xích đạo có lượng mưa lớn nhất chủ yếu do áp thấp, diện tích đại dương nhiều, dòng biển nóng. **Đ**

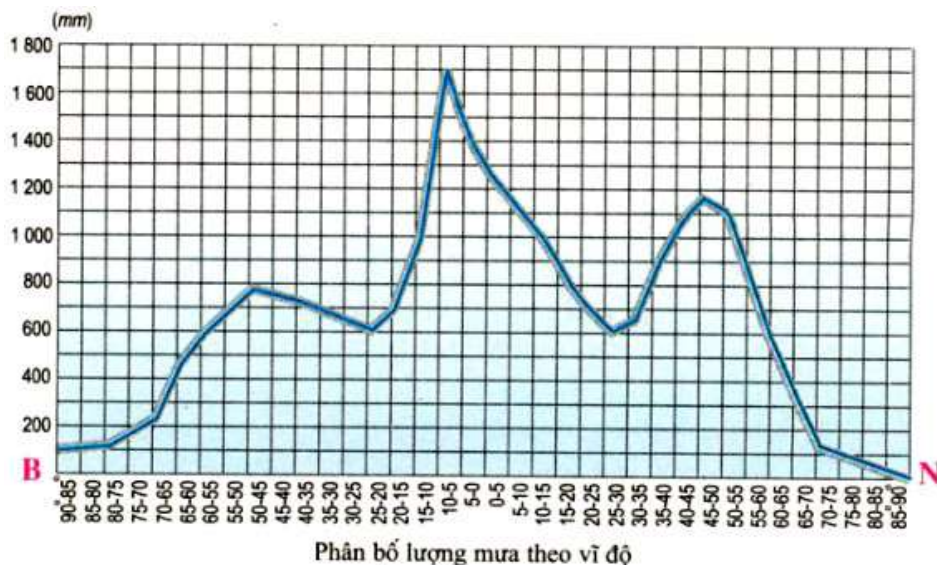
Câu 2: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ ở bán cầu Nam (Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Vĩ độ	0°	20°	30°	40°	50°	60°	70°	80°
Nhiệt độ tb năm	24,5	24,7	19,3	10,4	5,0	2,0	-10,2	-50,0
Biên độ nhiệt độ năm	1,8	5,9	7,0	4,9	4,3	11,8	19,5	28,7

- a. Nhiệt độ trung bình năm giảm từ xích đạo về cực. **Đ**
b. Khu vực chí tuyến có nhiệt độ trung bình năm cao nhất. **Đ**
c. Biên độ nhiệt độ năm tăng từ xích đạo về cực. **Đ**
d. Biên độ nhiệt độ năm thay đổi theo vĩ độ do góc nhập xạ giảm từ xích đạo về cực. **Đ/S**

Câu 3. Cho biểu đồ:



- Lượng mưa trung bình năm tăng từ xích đạo về cực. **S**
- Khu vực ôn đới có lượng mưa trung bình năm cao nhất. **S**
- Vùng cực có lượng mưa trung bình năm ít nhất. **Đ**
- Lượng mưa có sự khác nhau ở bán cầu Bắc và Nam. **Đ**

Câu 4. Cho thông tin sau:

Trên trái Đất, lượng mưa phân bố không đều, có nơi mưa nhiều, nơi mưa ít, có nơi thậm chí nhiều năm không có mưa. Đó là do nhiều nhân tố khác nhau ảnh hưởng đến lượng mưa từng khu vực

- Khu vực mưa nhiều thường có áp thấp và dòng biển nóng đi qua. **Đ**
- Khu vực mưa ít thường có hoạt động của gió mùa, vùng áp cao và nằm ven biển. **S**
- Ở sườn đón gió biển lượng mưa nhiều hơn sườn khuất gió. **Đ**
- Càng vào sâu trong lục địa lượng mưa càng ít. **Đ**

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa trung bình năm theo vĩ độ ở bán cầu Bắc (Đơn vị: mm)

Vĩ độ	0°-10°	10°-20°	20°-30°	30°-40°	40°-50°	50°-60°	60°-70°	70°-80°
Lượng mưa trung bình năm	1677	763	513	501	561	510	340	194

- Lượng mưa trung bình năm giảm dần từ xích đạo về cực. **Đ**
- Khu vực xích đạo có lượng mưa trung bình năm cao nhất. **Đ**
- Vùng cực có lượng mưa trung bình năm khá nhiều. **S**
- Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện lượng mưa trung bình năm theo vĩ độ ở bán cầu Bắc. **S**

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa trung bình năm theo vĩ độ ở bán cầu Bắc

(Đơn vị: mm)

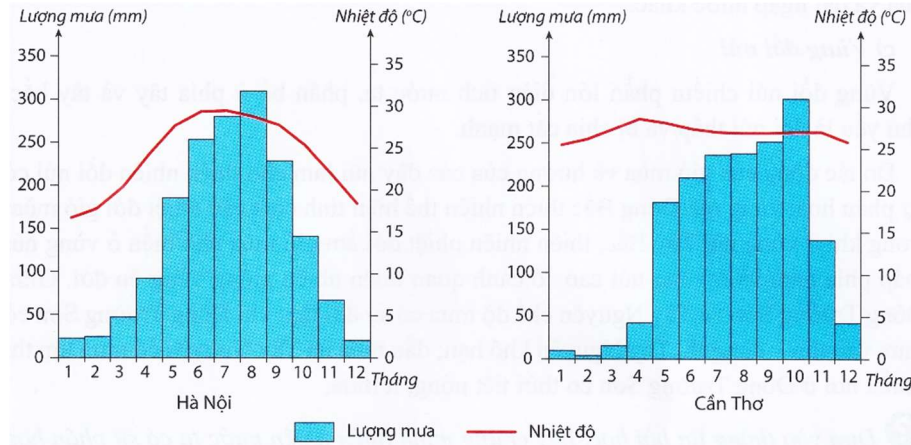
Vĩ độ	0° - 10°	10° - 20°	20° - 30°	30° - 40°	40° - 50°	50° - 60°	60° - 70°	70° - 80°
Lượng mưa trung bình năm	1677	763	513	501	561	510	340	194

- Lượng mưa trung bình năm tăng từ xích đạo về cực. **S**
- Khu vực ôn đới có lượng mưa trung bình năm cao nhất. **S**
- Vùng cực có lượng mưa trung bình năm ít nhất. **Đ**
- Biểu đồ cột là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện lượng mưa trung bình năm theo vĩ độ ở bán cầu Bắc. **Đ**

Câu 7: Cho đoạn thông tin: " Lượng mưa phân bố không đều theo vĩ độ và có sự xen kẽ giữa các vùng mưa nhiều và các vùng mưa ít. Mưa nhiều nhất ở vùng Xích đạo, mưa tương đối ít ở hai vùng chí tuyến, mưa nhiều ở hai vùng ôn đới và mưa rất ít ở hai vùng cực. Ở mỗi một vùng theo chiều đông – tây lại có sự phân hoá thành những khu vực có lượng mưa khác nhau..."

- Vùng có lượng mưa thấp nhất là hai vùng chí tuyến. **S**
- Vùng ôn đới có lượng mưa cao hơn nhiều vùng cực. **Đ**
- Lượng mưa ở các khu vực ven biển cao hơn khu vực nội địa. **Đ**
- Lượng mưa ở sườn đón gió thấp hơn nhiều sườn khuất gió. **S**

Câu 8. Cho biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa ở Hà Nội và Cần Thơ:



- Hà Nội có biên độ nhiệt nhỏ hơn Cần Thơ. **S**
- Cần Thơ có mùa khô sâu sắc hơn Hà Nội. **Đ**
- Hà Nội có một số tháng nhiệt độ dưới 20°C là do ảnh hưởng của gió Tín phong bán cầu Bắc. **S**
- Hà Nội có mùa khô ít sâu sắc hơn là do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc vào cuối mùa đông. **Đ**

Câu 9. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng trong năm 2021 tại trạm khí tượng Đà Nẵng

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa (mm)	34,7	32,1	14,6	21,4	2,1	38,5	12,5	93,5	800,4	782,8	271,0	485,8

(Nguồn: Niên giám thống kê 2022, NXB Thống kê 2022)

- Tháng có lượng mưa lớn nhất là tháng 9. **Đ**
- Mùa mưa kéo dài từ tháng 1 đến tháng 5. **S**
- Lượng mưa trung bình năm của Đà Nẵng là 2492,1 mm. **S**
- Lượng mưa lớn vào thu đông chủ yếu do hoạt động của gió mùa và dải hội tụ nhiệt đới. **Đ**

Câu 10. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng của Hà Nội và Vũng Tàu, năm 2022

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	18,6	15,3	23,4	24,8	26,8	31,4	30,6	29,9	29,0	26,2	26,0	17,8
Vũng Tàu	26,5	27,4	28,1	28,8	29,0	29,3	28,0	27,8	27,8	27,4	27,4	26,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, 2022)

- Hà Nội có nhiệt độ thấp nhất vào tháng 1. **S**
- Biên độ nhiệt năm của Vũng Tàu là $2,8^{\circ}\text{C}$. **Đ**
- Biên độ nhiệt năm của Vũng Tàu cao hơn Hà Nội. **S**

d) Nhiệt độ trung bình tháng 1 của Hà Nội thấp hơn Vũng Tàu chủ yếu do ảnh hưởng gió mùa Đông Bắc. **Đ**

PHẦN III: TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng tại Huế năm 2021

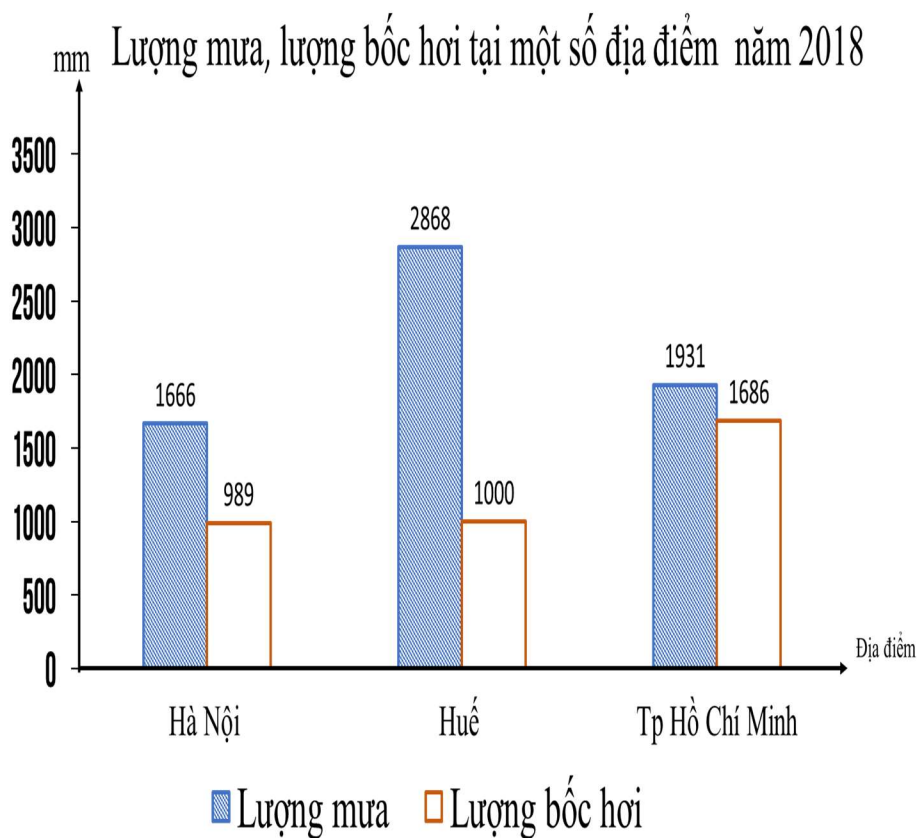
(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	190,3	61,1	112,4	68,6	1,7	32,0	27,0	52,6	535,6	1438,3	825,9	490,5

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2020, NXB thống kê Việt Nam, 2021)

Lời giải: Ở đây không có câu hỏi nên xin phép không trả lời nhé. Nhưng chắc chỉ loanh quanh tính lượng mưa trung bình năm or tháng nào có lượng mưa cao nhất/thấp nhất,....

Câu 2. Cho biểu đồ sau



(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2018, <https://www.gso.gov.vn>)

Huế có cân bằng ẩm trị số là bao nhiêu?

Lời giải: Để tính cân bằng ẩm trị số, ta lấy trị tuyệt đối của hiệu giữa lượng mưa và lượng bốc hơi. Vậy theo bảng số liệu trên ta có thể tính được Huế có cân bằng ẩm trị số là:

$$|2868 - 1000| = 1868mm$$

Câu 3. Cho bảng số liệu:

LƯỢNG MƯA CÁC THÁNG NĂM 2021 TẠI TRẠM QUAN TRẮC ĐÀ NẴNG

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	34,7	32,1	14,6	24,1	2,1	38,5	12,5	93,5	800,4	782,8	271,0	485,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng lượng mưa của Đà Nẵng năm 2021 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm)

Lời giải: Tổng lượng mưa của Đà Nẵng năm 2021 là:

$$34,7 + 32,1 + 14,6 + 24,1 + 2,1 + 38,5 + 12,5 + 93,5 + 800,4 + 782,8 + 271,0 + 485,8 \approx 2592mm$$

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng tại Hà Nội năm 2022

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	46,8	103,7	47,2	68,7	414,9	296,9	392,5	486,3	242,0	84,4	7,8	13,7

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2022, NXB thống kê Việt Nam, 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng lượng mưa của Hà Nội năm 2022. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm).

Lời giải: Tổng lượng mưa của Hà Nội năm 2022 là:

$$46,8 + 103,7 + 47,2 + 68,7 + 414,9 + 296,9 + 392,5 + 486,3 + 242,0 + 84,4 + 7,8 + 13,7 \approx 2205mm$$

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa trung bình năm các tháng trong tại Cà Mau, năm 2022 (Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	0,1	0,9	105,2	327,0	319,5	225,4	565,0	228,3	409,2	352,7	313,3	71,9

(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Tính tổng lượng mưa trong năm tại Cà Mau. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm)

Lời giải: Tổng lượng mưa của Cà Mau năm 2022 là:

$$0,1 + 0,9 + 105,2 + 327,0 + 319,5 + 225,4 + 565,0 + 228,3 + 409,2 + 352,7 + 313,3 + 71,9 \approx 2919mm$$

THỦY QUYỀN. NƯỚC TRÊN LỤC ĐỊA

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1. Thủy quyền là lớp nước trên Trái Đất bao gồm nước ở

- A. biển, đại dương; nước ngầm; băng tuyết; nước sông, suối, hồ.
- B. biển, đại dương; nước trên lục địa; hơi nước trong khí quyển.
- C. sông, suối, hồ; nước ngầm; nước trong các biển và đại dương.
- D. sông, suối, hồ; băng tuyết; nước trong các đại dương, hơi nước.

Câu 2. Nước trên lục địa gồm nước ở

- A. trên mặt, nước ngầm.
- B. trên mặt, hơi nước.
- C. nước ngầm, hơi nước.
- D. băng tuyết, sông, hồ.

Câu 3. Nước băng tuyết ở thể nào sau đây?

- A. Rắn.
- B. Lỏng.
- C. Hơi.
- D. Khí.

Câu 4. Nguồn gốc hình thành băng là do

- A. nhiệt độ hạ thấp ở những nơi núi cao có nguồn nước ngọt.
- B. tuyết rơi trong thời gian dài, nhiệt độ thấp không ổn định.
- C. tuyết rơi ở nhiệt độ thấp, tích tụ và nén chặt thời gian dài.
- D. nước ngọt gặp nhiệt độ rất thấp, tích tụ trong nhiều năm.

Câu 5. Băng hà có tác dụng chính trong việc

- A. dự trữ nguồn nước ngọt.
- B. điều hoà khí hậu.
- C. hạ thấp mực nước biển.
- D. nâng độ cao địa hình.

Câu 6. Nước ngầm được gọi là

- A. kho nước mặn của Trái Đất.
- B. nền tảng nâng đỡ địa hình.
- C. nguồn gốc của sông suối.
- D. kho nước ngọt của Trái Đất.

Câu 7. Nguồn nước ngầm không phụ thuộc vào

- A. nguồn cung cấp nước mặt.
- B. khối lượng lớn nước biển.

C. đặc điểm bề mặt địa hình.

D. sự thấm nước của đất đá.

Câu 8. Nguồn cung cấp nước ngầm **không** phải là

A. nước mưa.

B. băng tuyết.

C. nước trên mặt.

D. nước ở biển.

Câu 9. Giải pháp nào sau đây được xem là quan trọng hàng đầu trong bảo vệ nguồn nước ngọt trên Trái Đất?

A. Nâng cao sự nhận thức.

B. sử dụng nước tiết kiệm.

C. Giữ sạch nguồn nước.

D. xử phạt, khen thưởng.

Câu 10. Ngày Nước Thế giới hàng năm là

A. 21/1.

B. 22/3.

C. 23/3.

D. 24/4.

Câu 11. Trong vòng tuần hoàn nhỏ của nước **không** có giai đoạn nào sau đây?

A. Bốc hơi.

B. Ngưng tụ.

C. Di chuyển.

D. Mưa xuống.

Câu 12. Vòng tuần hoàn lớn của nước diễn ra trong phạm vi

A. núi cao và đồng bằng.

B. đồng bằng và gò đồi.

C. đất liền và đại dương.

D. đại dương và các biển.

Câu 13. Tổng lượng nước sông chịu tác động chủ yếu của các nhân tố là

A. lượng mưa, băng tuyết, nước ngầm.

B. lượng mưa, băng tuyết, các hồ đầm.

C. nước ngầm, địa hình, các hồ đầm.

D. nước ngầm, địa hình, thực vật.

Câu 14. Ở miền khí hậu nóng, nhân tố chủ yếu tác động đến chế độ nước sông là

A. nước ngầm.

B. chế độ mưa.

C. địa hình.

D. thực vật.

Câu 15. Ở miền ôn đới lạnh, nhân tố chủ yếu tác động đến chế độ nước sông là

A. địa hình.

B. chế độ mưa.

C. băng tuyết.

D. thực vật.

Câu 16. Ở những vùng đất, đá thấm nước nhiều, nhân tố nào sau đây có vai trò đáng kể trong việc điều hoà chế độ nước của sông?

A. Nước ngầm.

B. Băng tuyết.

C. Địa hình.

D. Thực vật.

Câu 17. Ý nghĩa của hồ đầm đối với sông là

A. điều hoà chế độ nước sông.

C. giảm lưu lượng nước sông.

B. nhiều thung lũng.

D. địa hình dốc.

Câu 18. Ở miền núi, nước sông chảy nhanh hơn đồng bằng là do có

A. địa hình phức tạp.

B. nhiều thung lũng.

C. nhiều đỉnh núi cao.

D. địa hình dốc.

Câu 19. Ở đồng bằng, lòng sông mở rộng hơn ở miền núi chủ yếu là do

A. bề mặt địa hình bằng phẳng.

B. lớp phủ thổ nhưỡng mềm.

C. tốc độ nước chảy nhanh.

D. tổng lưu lượng nước lớn.

Câu 20. Yếu tố nào sau đây góp phần chủ yếu làm cho chế độ nước sông điều hoà?

A. Nước mưa chảy trên mặt.

B. Các mạch nước ngầm cạn.

C. Địa hình đồi núi dốc nhiều.

D. Bề mặt đất đồng bằng rộng.

Câu 21. Sông nào sau đây dài nhất thế giới?

A. A-ma-dôn. **B. Nin.**

C. I-ê-nit-xây. D. Mê Công.

Câu 22. Sông nào sau đây chảy qua Việt Nam?

A. Nin.

B. I-ê-nit-xây.

C. A-ma-dôn.

D. Mê Công.

Câu 23. Sông nào sau đây có diện tích lưu vực rộng nhất thế giới?

- A. Nin. B. I-ê-nit-xây. C. A-ma-dôn. D. Mê Công.

Câu 24. Sông nào sau đây có chiều dài đứng thứ hai thế giới?

- A. Nin. B. I-ê-nit-xây. C. A-ma-dôn. D. Mê Công.

Câu 25. Sông nào sau đây nằm trong khu vực ôn đới lạnh?

- A. Nin. B. I-ê-nit-xây. C. A-ma-dôn. D. Mê Công.

Câu 26. Sông nằm trong khu vực xích đạo thường có nhiều nước

- A. vào mùa hạ. B. vào mùa xuân.

- C. quanh năm. D. theo mùa.

Câu 27. Sông nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa thường có nhiều nước nhất vào các mùa

- A. xuân và hạ. B. hạ và thu.

- C. thu và đông. D. đông và xuân.

Câu 28. Sông nằm trong khu vực ôn đới lạnh thường nhiều nước nhất vào các mùa

- A. xuân và hạ. B. hạ và thu.

- C. thu và đông. D. đông và xuân.

Câu 29. Nguồn cung cấp nước cho sông ở hoang mạc chủ yếu là

- A. nước mặt. B. nước ngầm.

- C. băng tuyết. D. nước mưa.

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI

Câu 1: Cho đoạn thông tin:

" Sông là dòng chảy thường xuyên, tương đối lớn trên bề mặt lục địa và đảo, được các nguồn nước mưa, nước ngầm, nước băng tuyết tan nuôi dưỡng. Sự thay đổi của lưu lượng nước sông có tính chu kì trong năm gọi là chế độ nước. Chế độ nước chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm địa lí tự nhiên của nguồn cung cấp và bề mặt lưu vực."

- a) Lưu vực sông có diện tích càng lớn, chế độ nước sông càng ổn định. Đ
- b) Nguồn cung cấp chủ yếu từ nước ngầm sẽ có chế độ nước sông ít thay đổi. Đ
- c) Rừng cây trong lưu vực sông không ảnh hưởng đến chế độ nước sông. S
- d) Chế độ nước sông ở các khu vực ôn đới thường phức tạp hơn ở nhiệt đới. S

Câu 2: Trong các câu sau, câu nào đúng, câu nào sai?

- a) Sông được cấp nước từ hai nguồn chính: nước mưa và nước băng tuyết tan. S
- b) Chế độ nước sông đơn giản hay phức tạp là do số lượng nguồn cấp quyết định. Đ
- c) Hồ đầm và thực vật có tác dụng điều tiết dòng chảy. Đ
- d) Sông có nhiều phụ lưu, nước lũ thoát nhanh, chế độ nước sông bớt phức tạp hơn S

Câu 3: Trong các nhận định sau , nhận định nào Đúng, nhận định nào Sai về đặc điểm của nước ngầm?

- a) Nước ngầm do nước mặt thấm xuống. Đ
- b) Mức nước ngầm phụ thuộc vào nguồn cung cấp nước, đặc điểm địa hình, khả năng thấm của đất đá,... Đ
- c) Nước ngầm nằm khá nông ở vùng ẩm ướt, đất đá dễ thấm hút và nằm sâu vùng khô hạn. Đ
- d) Nước ngầm có thành phần và hàm lượng các chất khoáng hầu như không thay đổi. S

Câu 4: Cho thông tin sau

Mức nước lũ của các sông ở miền Trung nước ta thường lên rất nhanh, lũ về đột ngột, gây hậu quả nghiêm trọng cho sản xuất và đời sống.

- a) Chế độ nước sông miền Trung khá điều hoà. S
- b) Lũ các sông miền Trung lên nhanh là do địa hình bằng phẳng. S
- c) Nguồn cung cấp nước cho sông miền Trung chủ yếu là băng tuyết. S
- d) Mùa lũ của sông miền Trung thường trùng với mùa mưa bão. Đ

Câu 5: Phát biểu nào sau đây Đúng, phát biểu nào sai về giải pháp bảo vệ nước ngọt

- a) Sử dụng nguồn nước ngọt một cách hiệu quả, tiết kiệm và tránh lãng phí. Đ
- b) Giữ sạch nguồn nước, tránh ô nhiễm nguồn nước ngọt. Đ
- c) sử dụng các dụng cụ để tích trữ nước ngọt. S

d) Phân phối lại nguồn nước ngọt trên thế giới. **S**

Câu 6: Cho nhận định sau

Hồ ở vùng đồng bằng như đồng bằng sông Hồng thường có dạng hình móng ngựa hay hình bán nguyệt.

a) Hồ là vũng trũng chứa nước trên Trái Đất. **Đ**

b) Hồ móng ngựa hình thành từ miệng núi lửa đã tắt. **S**

c) Hồ Tây Hà Nội là hồ móng ngựa. **Đ**

d) Hồ Tây hình thành tại các khúc uốn sông bị tách khỏi dòng chính, sau khi chuyển dòng. **Đ**

PHẦN III: TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1: Cho bảng số liệu

Lưu lượng dòng chảy tại trạm Đồng Tâm trên sông Gianh

(Đơn vị: m^3/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	27,7	19,3	17,5	10,7	28,7	36,7	40,6	58,4	185,0	178,0	94,1	43,7

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính lưu lượng dòng chảy trung bình năm tại trạm Đồng Tâm trên sông Gianh (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của m^3/s)

Lời giải: Để tính lưu lượng dòng chảy trung bình năm, ta lấy tổng những lưu lượng dòng chảy của các tháng rồi chia cho 12. Vậy căn cứ vào bảng số liệu trên, ta tính được lưu lượng dòng chảy trung bình năm tại trạm Đồng Tâm trên sông Gianh là:

$$\bar{X} = \frac{27,7 + 19,3 + 17,5 + 10,7 + 28,7 + 36,7 + 40,6 + 58,4 + 185,0 + 178,0 + 94,1 + 43,7}{12} \approx 62 (m^3/s)$$

Câu 2. Cho bảng số liệu

Lưu lượng nước trung bình tháng của sông Hồng tại Hà Nội

(Đơn vị: m^3/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	1040	885	765	889	480	3510	5590	6660	4990	3100	2199	1370

Căn cứ vào bảng số liệu trên, đỉnh lũ Sông Hồng rơi vào tháng mấy?

Lời giải: Để tìm đỉnh lũ Sông Hồng ta chỉ cần xem tháng nào có lưu lượng nước trung bình cao nhất là được. Để thấy đáp án là tháng 8 ($6660 m^3/s$)

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Lưu lượng dòng chảy tháng tại trạm Yên Thượng trên sông Cả

(Đơn vị: m^3/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	215	169	150	147	275	419	560	918	1358	1119	561	295

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính lưu lượng dòng chảy trung bình năm tại trạm Yên Thượng trên sông Cả (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của m^3/s).

Lời giải: Để tính lưu lượng dòng chảy trung bình năm, ta lấy tổng những lưu lượng dòng chảy của các tháng rồi chia cho 12. Vậy căn cứ vào bảng số liệu trên, ta tính được lưu lượng dòng chảy trung bình năm tại trạm Yên Thượng trên sông Cả là:

$$\bar{X} = \frac{215 + 169 + 150 + 147 + 275 + 419 + 560 + 918 + 1358 + 1119 + 561 + 295}{12} \approx 516 (m^3/s)$$

Câu 4: Có mấy loại hồ?

Lời giải: Có 5 loại hồ (Bao gồm hồ núi lửa, hồ kiến tạo, hồ móng ngựa, hồ băng hà và hồ nhân tạo)

Câu 5: Sông được cung cấp nước từ mấy nguồn chính?

Lời giải: Sông được cung cấp nước từ 2 nguồn chính (Nước ngầm và nước trên mặt)

NƯỚC BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1. Độ muối trung bình của nước biển là

- A. 33 ‰. B. 34 ‰. C. 35‰. D. 36‰.

Câu 2. Độ muối của nước biển **không** phụ thuộc vào

- A. lượng mưa. B. lượng bốc hơi.
C. lượng nước ở các hồ đầm. D. lượng nước sông chảy ra.

Câu 3. Độ muối nước biển lớn nhất ở vùng

- A. xích đạo. B. chí tuyến. C. cực. D. ôn đới.

Câu 4. Phát biểu nào sau đây đúng về mối quan hệ giữa độ muối và khối lượng riêng của nước biển?

- A. Độ mặn càng nhỏ thì khối lượng riêng càng lớn.
B. Độ mặn càng lớn thì khối lượng riêng càng nhỏ.
C. Độ mặn càng lớn thì khối lượng riêng càng lớn.
D. Độ mặn càng nhỏ thì khối lượng riêng rất lớn.

Câu 5. Nhiệt độ trung bình của đại dương thế giới là

- A. 15,5°C. B. 16,5°C. C. 17,5°C. D. 18,5°C.

Câu 6. Càng xuống sâu, nhiệt độ nước biển càng

- A. thấp. B. cao. C. tăng. D. không thay đổi.

Câu 7. Nhiệt độ nước biển phụ thuộc vào nhiệt độ của

- A. không khí. B. đất liền. C. đáy biển. D. bờ biển.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây đúng về sự thay đổi nhiệt độ nước biển theo thời gian?

- A. Mùa đông có nhiệt độ cao hơn mùa thu.
B. Ban ngày có nhiệt độ thấp hơn ban đêm.
C. Ban trưa có nhiệt độ thấp hơn ban chiều.
D. Mùa hạ có nhiệt độ cao hơn mùa đông.

Câu 9. Hình thức dao động của sóng biển là theo chiều

- A. thẳng đứng. B. xoay tròn.
C. chiều ngang. D. xô vào bờ.

Câu 10. Nguyên nhân chủ yếu tạo nên sóng biển là do

- A. mưa. B. núi lửa. C. động đất. D. gió.

Câu 11. Nguyên nhân gây ra sóng thần chủ yếu là do

- A. gió. B. bão. C. động đất. D. núi lửa.

Câu 12. Sóng xô vào bờ **không** phải là do

- A. gió. B. bão. C. áp thấp. D. dòng biển.

Câu 13. Nguyên nhân gây ra thủy triều là do

- A. sức hút của Mặt Trăng, Mặt Trời.
B. sức hút của hành tinh ở thiên hà.
C. hoạt động của các dòng biển lớn.
D. hoạt động của núi lửa, động đất.

Câu 14. Dao động thủy triều lớn nhất ở trong trường hợp Mặt Trăng, Mặt Trời, Trái Đất nằm

- A. vuông góc với nhau. B. thẳng hàng với nhau.
C. lệch nhau góc 45 độ. D. lệch nhau góc 60 độ.

Câu 15. Dao động thủy triều trong tháng lớn nhất vào ngày

- A. trăng tròn và không trăng. B. trăng khuyết và không trăng.
C. trăng khuyết và trăng tròn. D. không trăng và có trăng.

Câu 16. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với dao động của thủy triều?

- A. Dao động thường xuyên. B. Dao động theo chu kì.
C. Chỉ do sức hút Mặt Trời. D. khác nhau ở các biển.

Câu 17. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với dao động của thủy triều?

- A. Là dao động của các khối nước biển và đại dương.

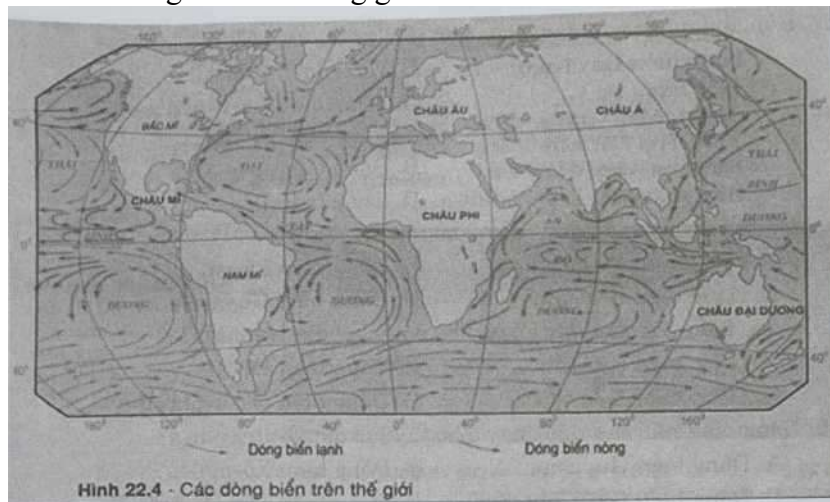
- B. Bất kì biển và đại dương nào trên Trái Đất đều có.
 C. Dao động thủy triều lớn nhất vào ngày không trăng.
D. Dao động thủy triều nhỏ nhất vào ngày trăng tròn.

Câu 18. Nguyên nhân sinh ra các dòng biển trên các đại dương thế giới chủ yếu là do

- A. sức hút của Mặt Trăng.
 B. sức hút của Mặt Trời.
C. các loại gió thường xuyên.
 D. địa hình các vùng biển.

Câu 19. Quan sát Hình 1. Các dòng biển trên thế giới, cho biết phát biểu nào sau đây **không** đúng với các dòng biển trong các đại dương thế giới?

- A. Các dòng biển lạnh thường phát sinh ở hai bên Xích đạo.**
 B. Có các dòng biển lạnh xuất phát từ khoảng vĩ độ 30 - 40°,
 C. Dòng biển nóng và lạnh đối xứng qua các bờ đại dương.
 D. Có các dòng biển đổi chiều theo gió mùa ở vùng gió mùa.



Hình 22.4 - Các dòng biển trên thế giới

Hình 1. Các dòng biển trên thế giới

Câu 20. Dòng biển nào sau đây là dòng biển nóng?

- A. Dòng biển Guya-na.**
 B. Dòng biển Xô-ma-li.
 C. Dòng biển Ca-li-phooc-ni-a.
 D. Dòng biển Tây Ô-xtrây-li-a.

Câu 21. Dòng biển nào sau đây là dòng biển lạnh?

- A. Dòng biển Nam Xích đạo.
 B. Dòng biển Bra-xin.
C. Dòng biển Ben-ghê-la.
 D. Dòng biển Đông Ô-xtrây-li-a.

Câu 22. Dòng biển nào sau đây chảy ở bờ tây lục địa châu Phi?

- A. Dòng biển Bắc Đại Tây Dương.
B. Dòng biển Ca-na-ri.
 C. Dòng biển Cư-rô-si-vô.
 D. Dòng biển Gon-xtrim.

Câu 23. Dòng biển nào sau đây chảy ở bờ đông lục địa châu Phi?

- A. Dòng biển Ca-na-ri.
 B. Dòng biển Ben-ghê-la.
C. Dòng biển Xô-ma-li.
 D. Dòng biển Ghi-nê.

Câu 24. Dòng biển nào sau đây chảy ở bờ tây lục địa Á - Âu?

- A. Dòng biển Bắc Đại Tây Dương.**
 B. Dòng biển Bắc Xích đạo.
 C. Dòng biển Cư-rô-si-vô.
 D. Dòng biển Gon-xtrim.

Câu 25. Dòng biển nào sau đây chảy ở bờ đông lục địa Á - Âu?

- A. Dòng biển A-la-xca.
 B. Dòng biển Bắc Xích đạo.
C. Dòng biển Bê-rinh.
 D. Dòng biển Gon-xtrim.

Câu 26. Dòng biển nào sau đây chảy ở bờ tây lục địa Bắc Mỹ?

- A. Dòng biển Guya-na.
 B. Dòng biển Phôn-len.
 C. Dòng biển Pê-ru.
D. Dòng biển Ca-li-phooc-ni-a.

Câu 27. Dòng biển nào sau đây chảy ở bờ đông lục địa Bắc Mỹ?

- A. Dòng biển Gon-xtrim.**
 B. Dòng biển A-la-xca.

C. Dòng biển Ca-li-phooc-ni-a.

D. Dòng biển Bra-xin.

Câu 28. Dòng biển nào sau đây chảy ở bờ tây lục địa Nam Mỹ?

A. Dòng biển Phôn-len.

B. Dòng biển Pê-ru.

C. Dòng biển Bra-xin.

D. Dòng biển Guya-na.

Câu 29. Dòng biển nào sau đây chảy ở bờ đông lục địa Nam Mỹ?

A. Dòng biển Bra-xin.

B. Dòng biển Pê-ru.

C. Dòng biển A-la-xca.

D. Dòng biển Ca-li-phooc-ni-a.

Câu 30. Dòng biển nào sau đây chảy ở bờ tây lục địa Ô-xtrây-li-a?

A. Dòng biển Guya-na.

B. Dòng biển Xô-ma-li.

C. Dòng biển Ca-li-phooc-ni-a.

D. Dòng biển Tây Ô-xtrây-li-a.

Câu 31. Dòng biển nào sau đây chảy ở bờ đông lục địa Ô-xtrây-li-a?

A. Dòng biển Nam Xích đạo.

B. Dòng biển Bra-xin.

C. Dòng biển Ben-ghe-la.

D. Dòng biển Đông Ô-xtrây-li-a.

Câu 32. Ở vùng chí tuyến, bờ tây lục địa có khí hậu

A. ẩm, mưa nhiều.

B. khô, ít mưa.

C. lạnh, ít mưa.

D. nóng, mưa nhiều.

Câu 33. Ở vùng ôn đới, bờ đông của đại dương có khí hậu

A. lạnh, ít mưa.

B. ẩm, mưa nhiều.

C. lạnh, khô hạn.

D. nóng, ẩm ướt.

Câu 34. Ở vùng chí tuyến, bờ đông của lục địa có mưa nhiều chủ yếu là do hoạt động của

A. gió mùa.

B. áp cao.

C. Tín phong.

D. dòng biển.

Câu 35. Ở vùng ôn đới, bờ tây của lục địa có khí hậu ẩm, mưa nhiều chủ yếu là do hoạt động của

A. áp thấp ôn đới.

B. dòng biển nóng.

C. frông ôn đới.

D. gió địa phương.

Câu 36. Nơi nào sau đây có khí hậu ẩm, mưa nhiều?

A. Bờ đông đại dương ở vùng ôn đới.

B. Bờ tây đại dương ở vùng ôn đới.

C. Bờ tây lục địa ở vùng chí tuyến.

D. Bờ đông lục địa ở vùng ôn đới.

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI

Câu 1: Cho đoạn thông tin: " Nước biển có nhiều chất hoà tan, nhiều nhất là các muối khoáng. Độ muối trung bình của nước biển là 35‰. Độ muối tăng hay giảm phụ thuộc vào lượng bốc hơi, lượng mưa và lượng nước sông đổ vào. Độ muối còn thay đổi theo vĩ độ: vùng Xích đạo độ muối là 34,5‰, vùng chí tuyến độ muối là 36,8‰, vùng ôn đới độ muối giảm xuống 35‰, vùng gần cực độ muối chỉ còn 34‰"

a) Lượng nước sông đổ vào ảnh hưởng đến độ muối của nước biển. **Đ**

b) Biển Đỏ có độ muối thấp hơn nhiều Biển Ban-tích. **S**

c) Vùng chí tuyến có độ muối thấp nhất trong các vùng vĩ độ. **S**

d) Vùng ôn đới có độ muối cao hơn vùng gần cực. **Đ**

Câu 2: Trong các câu sau, câu nào đúng, câu nào sai?

a) Thủy triều là hiện tượng nước biển dâng cao và hạ thấp theo quy luật hằng ngày. **Đ**

b) Nguyên nhân chủ yếu sinh ra thủy triều là do lực hấp dẫn của Mặt Trăng và Mặt Trời cùng với lực li tâm của Trái Đất. **Đ**

c) Trong mỗi tháng âm lịch, khi ba thiên thể Mặt Trời, Mặt Trăng và Trái Đất thẳng hàng, biên độ nước dâng nhỏ, gọi là triều kém. **S**

Câu 3. Ý kiến nào sau đây đúng, ý kiến nào sai khi bàn về dòng biển trong các đại dương thế giới?

Ý kiến	Đúng	Sai
a. Chuyển động của dòng biển tạo thành những vòng tuần hoàn trên các đại dương.	x	
b. Hai bên xích đạo, các dòng biển chảy từ phía đông về phía tây, khi gặp bờ đông các lục địa bị chuyển hướng.	x	
c. Ở khoảng vĩ độ 30-40° trên cả hai bán cầu, các dòng biển chảy về phía tây, khi gặp bờ đông các lục địa bị đổi hướng.		x
d. Ở vùng vĩ độ cao của bán cầu Nam, dòng biển có hướng ổn định từ tây sang đông, không khi ở vùng vĩ độ cao của bán cầu Bắc, các dòng biển chuyển động rất phức tạp.	x	

Câu 4: Cho đoạn thông tin sau

“Biển, đại dương có vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội; là nơi cung cấp tài nguyên sinh vật, tài nguyên khoáng sản, nguồn năng lượng; có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành hàng hải, du lịch; là môi trường sống có nhiều tác động tích cực đối với sức khỏe con người”.

- a) Khoáng sản quý giá do biển mang lại là dầu khí. **Đ**
- b) Biển và đại dương cho phép phát triển ngành đánh bắt, nuôi trồng hải sản. **Đ**
- c) Về mặt môi trường biển và đại dương giúp điều hoà khí hậu. **Đ**
- d) Năng lượng tái tạo từ biển là mặt trời và địa nhiệt. **S**

PHẦN III: TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1: Nhiệt độ nước biển ở vùng đới nóng (28°C), gấp nhiệt độ nước biển ở đới ôn đới (15°C) bao nhiêu lần (làm tròn đến số thập phân thứ nhất)

Lời giải: Ta lấy thương là được. Kết quả là: $28 : 15 \approx 1,9$ lần

Câu 2: Vùng chí tuyến biển có độ mặn 36,8‰, cao hơn vùng gần cực có độ mặn 34‰ là bao nhiêu?

Lời giải: Ta lấy hiệu thôi. Kết quả là: $36,8‰ - 34‰ = 2,8‰$

ĐẤT

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1. Đặc trưng của đất (thổ nhưỡng) là

- A. tơi xốp.
- B. độ phì.
- C. độ ẩm.
- D. vụn bở.

Câu 2. Đất (thổ nhưỡng) là lớp vật chất

- A. tơi xốp ở bề mặt lục địa.
- B. rắn ở bề mặt vỏ Trái Đất.
- C. mềm bở ở bề mặt lục địa.
- D. vụn ở bề mặt vỏ Trái Đất.

Câu 3. Độ phì của đất là khả năng cung cấp nước, nhiệt, khí và các chất dinh dưỡng cần thiết cho

- A. sinh vật.
- B. động vật.
- C. thực vật.
- D. vi sinh vật.

Câu 4. Thứ tự từ bề mặt đất xuống sâu là

- A. lớp vỏ phong hoá, lớp phủ thổ nhưỡng, đá gốc.
- B. lớp phủ thổ nhưỡng, lớp vỏ phong hoá, đá gốc.
- C. đá gốc, lớp vỏ phong hoá, lớp phủ thổ nhưỡng.

D. đá gốc, lớp phủ thổ nhưỡng, lớp vỏ phong hoá.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về vai trò của đá mẹ đối với việc hình thành đất?

A. Nguồn cung cấp vật chất vô cơ.

B. Nguồn cung cấp vật chất hữu cơ.

C. Quyết định thành phần khoáng vật.

D. Quyết định thành phần cơ giới.

Câu 6. Nhân tố nào sau đây có tác động đến việc tạo nên thành phần vô cơ cho đất?

A. Khí hậu.

B. Sinh vật.

C. Địa hình.

D. Đá mẹ.

Câu 7. Nhân tố nào sau đây có tác động đến việc tạo nên thành phần hữu cơ cho đất?

A. Khí hậu.

B. Sinh vật.

C. Địa hình.

D. Đá mẹ.

Câu 8. Các nhân tố nào sau đây có tác động quan trọng nhất đến việc hình thành nên các thành phần chủ yếu của đất?

A. Đá mẹ, khí hậu.

B. Khí hậu, sinh vật.

C. Sinh vật, đá mẹ.

D. Địa hình, đá mẹ.

Câu 9. Các nhân tố nào sau đây có tác động quan trọng nhất đến việc hình thành nên độ phì của đất?

A. Đá mẹ, khí hậu.

B. Khí hậu, sinh vật.

C. Sinh vật, đá mẹ.

D. Địa hình, đá mẹ.

Câu 10. Loại đất nào sau đây **không** thuộc nhóm feralit?

A. đất đỏ đá vôi.

B. đất đỏ badan.

C. đất phù sa cổ.

D. đất ở núi đá.

Câu 11. Các yếu tố khí hậu nào sau đây có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành đất?

A. Nhiệt và ẩm.

B. Ẩm và khí.

C. Khí và nhiệt.

D. Nhiệt và nước.

Câu 12. Trong việc hình thành đất, khí hậu **không** có vai trò nào sau đây?

A. Làm cho đá gốc bị phân huỷ về mặt vật lí.

B. Ảnh hưởng đến hoà tan, rửa trôi vật chất.

C. Tạo môi trường cho hoạt động vi sinh vật.

D. Cung cấp vật chất hữu cơ và khí cho đất.

Câu 13. Trong việc hình thành đất, thực vật **không** có vai trò nào sau đây?

A. Cung cấp vật chất hữu cơ.

B. Góp phần làm phá huỷ đá.

C. Hạn chế sự xói mòn, rửa trôi.

D. Phân giải, tổng hợp chất mùn.

Câu 14. Vai trò quan trọng của vi sinh vật trong việc hình thành đất là

A. cung cấp vật chất hữu cơ.

B. góp phần làm phá huỷ đá.

C. hạn chế sự xói mòn, rửa trôi.

D. phân giải, tổng hợp chất mùn.

Câu 15. Tác động quan trọng nhất của sinh vật đối với việc hình thành đất là

A. làm đá gốc bị phá huỷ.

B. cung cấp chất hữu cơ.

C. cung cấp chất vô cơ.

D. tạo các vành đai đất.

Câu 16. Vai trò của địa hình trong việc hình thành đất là

A. cung cấp chất hữu cơ.

B. cung cấp chất vô cơ.

C. tạo các vành đai đất.

D. làm phá huỷ đá gốc.

Câu 17. Nhân tố đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành đất là

A. Đá mẹ.

B. Khí hậu.

C. Địa hình.

D. Sinh vật.

Câu 18. Nhân tố nào sau đây đóng vai trò trực tiếp trong việc hình thành đất?

A. Đá mẹ.

B. Khí hậu.

C. Thời gian.

D. Con người.

Câu 19. Hoạt động nào sau đây của con người **không** làm biến đổi tính chất của đất?

- A. Nông nghiệp. B. Lâm nghiệp.
C. Ngư nghiệp. D. Công nghiệp.

Câu 20. Phát biểu nào sau đây đúng với hoạt động của các nhân tố hình thành đất?

- A. Không đồng thời tác động. B. Tác động theo các thứ tự.
C. Có mối quan hệ với nhau. D. Không ảnh hưởng nhau.

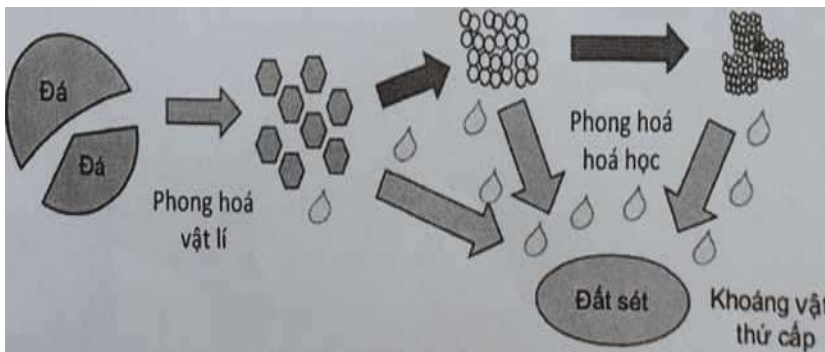
Câu 21. Căn cứ vào yếu tố nào sau đây để phân biệt đất với đá, nước, sinh vật, địa hình?

- A. độ ẩm. B. độ rắn. C. độ phì. D. nhiệt độ.

Câu 22. Theo Hình 1. Các giai đoạn từ đá mẹ đến hình thành đất, thành phần nào sau đây tham gia tích cực vào quá trình này?

- A. Địa hình. B. Khí hậu. C. Sinh vật. D. Con người.
Khoáng vật Cát Phù sa

sơ cấp



Hình 1. Các giai đoạn từ đá mẹ đến hình thành đất

Câu 23. Trong các loại đất ở **Hình 2**, Một số loại đất chính, loại đất nào xấu nhất?

- A. Đất nâu. B. Đất đen. C. Đất xám. D. Đất đỏ.

Câu 24. Trong các loại đất sau, loại đất nào tốt nhất?

- A. Đất nâu. B. Đất đen. C. Đất xám. D. Đất đỏ.

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 1: Phát biểu nào sau đây Đúng, phát biểu nào Sai về đặc điểm của lớp vỏ phong hoá?

- a) Là sản phẩm phong hoá của đá gốc. Đ
b) Phần trên cùng của vỏ Trái Đất, chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố bên ngoài. Đ
c) Có cấu trúc phân tầng theo chiều thẳng đứng. Đ
d) Dày hàng trăm mét. S

Câu 2: Nhận định nào sau đây Đúng, phát biểu nào Sai về quá trình hình thành đất?

- a) Đá mẹ là nhân tố khởi đầu của quá trình hình thành đất. Đ
b) Tính chất của đất không bị ảnh hưởng bởi tính chất của đá mẹ. S
c) Địa hình có tác động chủ yếu đến quá trình phân phối lại lượng nhiệt, ẩm, tích tụ vật liệu. Đ
d) Khí hậu tác động đến đá mẹ, địa hình và sinh vật. Đ

Câu 3: Trong các câu sau, câu nào đúng, câu nào sai?

- a) Đá mẹ là nhân tố khởi đầu của quá trình hình thành đất. Đ
b) Độ pH quyết định đến độ ẩm trong đất. S
c) Các loại đất tự nhiên đều cần có thời gian hình thành. Đ
d) Con người là nhân tố quan trọng trong quá trình hình thành đất. S

Câu 4: Cho thông tin sau

Đất là lớp vật chất mỏng bao phủ bề mặt các lục địa và đảo, được tạo thành do quá trình phong hoá các loại đá. Đất được cấu tạo bởi các thành phần chính bao gồm chất khoáng, chất hữu cơ, không khí và nước. Đặc trưng cơ bản của đất là độ phì. Độ phì là khả năng đất cung cấp nước, các chất dinh dưỡng và các yếu tố khác (như nhiệt độ, không khí,...), thực vật sinh trưởng và phát triển.

- a) Đất là một thành phần cấu tạo nên vỏ Trái Đất. Đ

- b) Đất là tư liệu sản xuất không thể thay thế của nông nghiệp. **Đ**
- c) Thành phần cấu tạo nên đất chủ yếu là nước. **S**
- d) Đặc trưng cơ bản nhất của đất là chất khoáng. **S**

Câu 5: Cho đoạn thông tin sau

Nhiệt và ẩm ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành đất. Tác động của nhiệt và ẩm làm cho đá bị phá huỷ thành những sản phẩm phong hoá. Những sản phẩm này sẽ tiếp tục bị phong hoá thành đất.

- a) Khí hậu có vai trò rất quan trọng trong quá trình hình thành đất. **Đ**
- b) Khí hậu tác động đến sự hình thành đất qua yếu tố nhiệt, ẩm. **Đ**
- c) Khí hậu được coi là nhân tố khởi đầu cho sự hình thành đất. **S**
- d) Trên Trái đất có nhiều loại đất do khí hậu phân hoá đa dạng. **Đ**

SINH QUYỀN.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1. Sinh quyển là một quyển của Trái Đất có

- A. toàn bộ sinh vật sinh sống.**
- B. tất cả sinh vật và thổ nhưỡng.
- C. toàn bộ động vật và vi sinh vật.
- D. toàn bộ thực vật và vi sinh vật.

Câu 2. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với sinh quyển?

- A. Giới hạn ở trên là nơi tiếp giáp với tầng ô dôn.
- B. Giới hạn dưới của đại dương đến nơi sâu nhất.
- C. Ranh giới trùng hoàn toàn với lớp vỏ Trái Đất.**
- D. Ranh giới trùng hợp với toàn bộ lớp vỏ địa lí.

Câu 3. Phát biểu nào sau đây đúng nhất với sinh quyển?

- A. Thực vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.
- B. Sinh vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.**
- C. Động vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.
- D. Vi sinh vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.

Câu 4. Khoảng vài chục mét ở phía trên bề mặt đất là có thực vật sinh sống, do có

- A. ánh sáng, khí, nước, chất dinh dưỡng.**
- B. ánh sáng, khí, nguồn nước, nhiệt độ.
- C. chất dinh dưỡng, không khí và nước.
- D. chất dinh dưỡng, nước và ánh sáng.

Câu 5. Yếu tố nào sau đây **không** có tác động tới sự phát triển và phân bố sinh vật?

- A. Khí hậu.
- B. Con người.
- C. Địa hình.
- D. Đá mẹ.**

Câu 6. Yếu tố khí hậu nào sau đây **không** ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển và phân bố của sinh vật?

- A. Nhiệt độ.
- B. Gió.
- C. Nước.**
- D. Độ ẩm.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây không đúng với ảnh hưởng của khí hậu tới sự phát triển và phân bố của sinh vật?

- A. Mỗi loài cây thích nghi với một giới hạn nhiệt nhất định.
- B. Thực vật sinh trưởng nhờ đặc tính lí, hoá, độ phì của đất.**
- C. Sinh vật phát triển tốt trong môi trường tốt về nhiệt, ẩm.
- D. Cây xanh nhờ ánh sáng để thực hiện quá trình quang hợp.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây đúng với ảnh hưởng của đất tới sự phát triển và phân bố của sinh vật?

- A. Mỗi loài cây thích nghi với một giới hạn nhiệt nhất định.
- B. Thực vật sinh trưởng nhờ đặc tính lí, hoá, độ phì của đất.
- C. Sinh vật phát triển tốt trong môi trường tốt về nhiệt, ẩm.
- D. Cây xanh nhờ ánh sáng để thực hiện quá trình quang hợp.**

Câu 9. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ảnh hưởng của khí hậu tới sự phát triển và phân bố của sinh vật?

- A. Loài cây ưa nhiệt thường phân bố nhiệt đới, xích đạo.
- B. Những nơi khô hạn như hoang mạc có ít loài sinh vật ở.
- C. Những cây chịu bóng thường sống trong các bóng râm.
- D. Cây lá rộng sinh sống trên đất đỏ vàng ở rừng xích đạo.**

Câu 10. Phát biểu nào sau đây đúng với ảnh hưởng của đất tới sự phát triển và phân bố của sinh vật?

- A. Loài cây ưa nhiệt thường phân bố ở nhiệt đới, xích đạo.
- B. Những nơi khô hạn như hoang mạc có ít loài sinh vật ở
- C. Những cây chịu bóng thường sống trong các bóng râm.**
- D. Cây lá rộng sinh sống trên đất đỏ vàng ở rừng xích đạo.

Câu 11. Các nhân tố nào sau đây của địa hình có ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố của sinh vật?

- A. Độ cao và hướng nghiêng
- B. Hướng nghiêng và độ dốc.
- C. Độ dốc và hướng sườn.
- D. Hướng sườn và độ cao.**

Câu 12. Yếu tố nào sau đây của địa hình tạo nên các vành đai phân bố thực vật?

- A. Độ cao.**
- B. Hướng nghiêng.
- C. Hướng sườn.
- D. Độ dốc.

Câu 13. Yếu tố nào sau đây ảnh hưởng tới độ cao xuất hiện và kết thúc của các vành đai thực vật?

- A. Độ cao.
- B. Hướng nghiêng.
- C. Hướng sườn.**
- D. Độ dốc.

Câu 14. Độ cao ảnh hưởng tới sự phân bố vành đai thực vật thông qua

- A. nhiệt độ và độ ẩm.**
- B. độ ẩm và lượng mưa.
- C. lượng mưa và gió.
- D. độ ẩm và khí áp.

Câu 15. Nhân tố sinh học quyết định đối với sự phát triển và phân bố của động vật là

- A. nhiệt độ.
- B. độ ẩm.
- C. thức ăn.**
- D. nơi sống.

Câu 16. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với mối quan hệ giữa động vật và thực vật?

- A. Động vật có quan hệ với thực vật về nơi cư trú và nguồn thức ăn.
- B. Nhiều loài động vật ăn thực vật lại là thức ăn của động vật ăn thịt.
- C. Động vật ăn thực vật, động vật ăn thịt cùng sống một môi trường.
- D. Ở nơi nào động vật phong phú thì thực vật không được phát triển.**

Câu 17. Ảnh hưởng tích cực của con người đối với sự phân bố sinh vật **không** phải là

- A. Giảm diện tích rừng tự nhiên, mất nơi ở động vật.**
- B. thay đổi phạm vi phân bố của nhiều loại cây trồng.
- C. đưa động vật nuôi từ lục địa này sang lục địa khác.
- D. trồng rừng, mở rộng diện tích rừng ở toàn thế giới.

Câu 18. Nhân tố nào sau đây có ảnh hưởng lớn nhất đến sự phân bố các thảm thực vật trên Trái Đất?

- A. Địa hình.
- B. Khí hậu.**
- C. Thổ nhưỡng.
- D. Sinh vật.

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI

Câu 1. Ý kiến nào sau đây đúng, ý kiến nào sai khi bàn về sinh quyển trên Trái Đất?

Ý kiến	Đúng	Sai
a. Giới hạn của sinh quyển phụ thuộc vào sự tồn tại của sự sống.	X	
b. Sinh quyển gồm tầng đối lưu của khí quyển, toàn bộ thủy quyển và phần trên của thạch quyển.	X	
c. Khối lượng của sinh quyển lớn nhất so với khối lượng vật chất của các quyển còn lại trong vỏ Trái Đất.		X

d. Sinh vật thường tập trung nhiều ở khoảng vài chục mét ở phía trên và dưới bề mặt đất, nơi có điều kiện thuận lợi nhất cho sự phát triển thực vật, động vật và vi sinh vật.	x	
---	---	--

Câu 2: Trong các câu sau, câu nào đúng, câu nào sai?

- a) Mỗi loài sinh vật thích nghi với một giới hạn sinh thái nhất định. **Đ**
- b) Những nơi có nguồn nước dồi dào, sinh vật rất phát triển. **Đ**
- c) Cấu trúc của đất, độ pH đất, độ phì chỉ ảnh hưởng tới sự phát triển chứ không ảnh hưởng tới sự phân bố của thực vật. **S**
- d) Địa hình ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố thực vật thông qua độ cao. **Đ**
- e) Thực vật có ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của động vật. **Đ**
- g) Con người vừa có ảnh hưởng tích cực vừa có ảnh hưởng tiêu cực đến sự phân bố sinh vật. **Đ**

Câu 3 : Cho thông tin

- Chè được trồng nhiều ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ do vùng này có điều kiện tự nhiên phù hợp với sự sinh trưởng và phát triển của cây chè: khí hậu có một mùa đông lạnh, đất feralit phát triển trên đá vôi,...

- Cà phê được trồng nhiều ở vùng Tây Nguyên do vùng này có điều kiện tự nhiên phù hợp với sự sinh trưởng và phát triển của cây cà phê: đất badan màu mỡ, khí hậu mang tính cận xích đạo,...

- a) Khí hậu là nhân tố quyết định sự phát triển và phân bố sinh vật. **Đ**
- b) Đất tác động lớn đến sự phát triển và phân bố của thực vật. **Đ**
- c) Khí hậu và đất đai của nước ta đa dạng nên cơ cấu cây trồng đa dạng. **Đ**
- d) Tây Nguyên có thể trồng được lúa do có đất phù sa màu mỡ. **S**

Câu 4: Cho đoạn thông tin sau

“Để tránh nóng, động vật thường nấp vào bóng râm, vui thân vào cát sâu, chui xuống hang, leo lên cây cao,.... Để tránh lạnh, động vật ẩn mình trong các hốc cây sống qua mùa lạnh, một số loài thay đổi chỗ ở theo mùa. Động vật ở xứ lạnh thường có lông dày, ở xứ nóng có ít lông”.

- a) Mỗi loài sinh vật thích nghi với giới hạn nhiệt độ nhất định. **Đ**
- b) Khí hậu ảnh hưởng đến sinh vật qua nhiệt độ và ánh sáng. **Đ**
- c) Đối với động vật ánh sáng ảnh hưởng không đáng kể đến sự phát triển. **S**
- d) Động vật đa dạng do khí hậu phân hoá đa dạng. **Đ**